

Số: 40/NQ-ĐHĐCĐBT

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2019 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ban hành ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP
- Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18
- Biên bản họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2019 ngày 08/6/2019.

Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18 được tổ chức tại trụ sở Công ty số 471 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội với sự có mặt của các cổ đông và người được ủy quyền dự họp, đại diện cho 9.651.959 cổ phần, tương đương 84,02% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đã thảo luận, đóng góp ý kiến và đi đến thống nhất quyết nghị các nội dung sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua toàn bộ Tờ trình số 35/TTr/HĐQT-L18 ngày 08/6/2019 của Hội đồng quản trị, chấp thuận phương án phát hành thêm cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.



Điều 2: Thông qua toàn bộ Tờ trình số 36/TTr/HĐQT-L18 ngày 08/6/2019 của Hội đồng quản trị về dự thảo Hợp đồng sáp nhập sẽ được ký kết giữa Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 và Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 3: Thông qua toàn bộ Tờ trình số 37/TTr/HĐQT-L18 ngày 08/6/2019 của Hội đồng quản trị về Dự thảo Điều lệ Công ty sau sáp nhập và việc tăng vốn điều lệ Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 4: Thông qua toàn bộ Tờ trình số 38/TTr/HĐQT-L18 ngày 08/6/2019 của Hội đồng quản trị về phương án hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 sau sáp nhập.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 nhất trí thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/6/2019.

- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban giám đốc điều hành chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện với Đại hội đồng cổ đông Công ty tại phiên họp thường niên năm 2020.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2019
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18
CHỦ TỊCH ĐOÀN


Đặng Văn Giang



Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2019

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2019**

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**
- Địa chỉ: Số 471, đường Nguyễn Trãi, P.Thanh Xuân Nam, Q.Thanh Xuân, HN.
- Giấy CNDKDN: Do Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 18/4/2019.
- Thời gian họp: Bắt đầu lúc 8 giờ 30 phút ngày 08 tháng 6 năm 2019
Kết thúc lúc: 10 giờ 0 phút ngày 08 tháng 6 năm 2019.
- Địa điểm họp: Hội trường tầng 2, Công ty cổ phần ĐT&XD số 18, số 471 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Chương trình và nội dung Đại hội: Theo chương trình Đại hội cổ đông bất thường năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua (như được đính kèm Biên bản này)
- Số cổ đông tham dự: Tổng số cổ đông trực tiếp tham dự và người được ủy quyền dự họp là 26 cổ đông, đại diện cho 9.651.959 cổ phần, chiếm 84,02% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty
- Khách mời tham dự: - Đại diện Công ty cổ phần chứng khoán FPT
- Bà Nguyễn Thị Hạnh – Giám đốc tư vấn tài chính doanh nghiệp
- Bà Nguyễn Thị Thúy – Phó TGD Cty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam
- Chủ tọa Đại hội: Ông Đặng Văn Giang - Chủ tịch HĐQT
- Thư ký Đại hội: Ông Lưu Bá Thái – Trưởng ban thư ký

DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI
(Theo trình tự thời gian)

I. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Ban tổ chức tiến hành đăng ký đại biểu tham dự Đại hội

2. Báo cáo kiểm tra tính hợp lệ của Đại hội:

Ban tổ chức đã tiến hành đăng ký cổ đông và báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội như sau:

- ❖ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 11.480.008 cổ phần
- ❖ Tổng số cổ phần trực tiếp tham dự và uỷ quyền tham dự là: 9.651.959 cổ phần, tương đương 84,02 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Với việc đạt được 84,02 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, ĐHĐCĐ bất thường năm 2019 của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18 đủ điều kiện tiến hành.

3. Ông Đào Đức Tài - Phó TGD Công ty, Trưởng ban tổ chức đại hội đề xuất và lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông biểu quyết để bầu Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu như sau:

3.1. Giới thiệu thành phần Đoàn chủ tịch gồm có:

1. Ông Đặng Văn Giang - Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội
2. Ông Nguyễn Đình Thuý - Thành viên HĐQT - Thành viên đoàn chủ tịch
3. Ông Bùi Thanh Tuyên - Thành viên HĐQT - Thành viên đoàn chủ tịch

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là 100%

3.2. Giới thiệu thành phần Tổ thư ký Đại hội

1. Ông Lưu Bá Thái – Cán bộ công bố thông tin – Trưởng ban
2. Bà Đặng Thị Quỳnh Trang - Cổ đông - Thành viên

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là 100%

3.3. Giới thiệu thành phần Tổ kiểm phiếu:

1. Ông Phạm Minh Hiếu – Phó phòng KTKT - Trưởng ban
2. Ông Đặng Anh Tuấn – Chánh văn phòng - Ủy viên
3. Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký HĐQT - Ủy viên

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là 100%

4. Thông qua Quy chế làm việc và Chương trình Đại hội gồm:



Ông Đào Đức Tài – Phó TGD Công ty, Trưởng ban tổ chức Đại hội trình bày Quy chế làm việc và Chương trình nghị sự của Đại hội.

Số cổ đông đại diện cho 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội đã biểu quyết đồng ý thông qua Quy chế làm việc và Chương trình Đại hội.

II. CÁC NỘI DUNG TRÌNH TẠI ĐẠI HỘI

* Ông Đặng Văn Giang – thay mặt đoàn Chủ tịch trình bày các nội dung xin ý kiến đại hội, gồm:

- Phương án phát hành thêm cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6.

- Dự thảo Hợp đồng sáp nhập sẽ được ký kết giữa Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 và Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6.

* Ông Nguyễn Đình Thủy – thay mặt đoàn Chủ tịch trình bày nội dung xin ý kiến đại hội: Dự thảo Điều lệ Công ty sau sáp nhập và việc tăng vốn điều lệ Công ty.

* Ông Bùi Thanh Tuyên – thay mặt đoàn Chủ tịch trình bày nội dung xin ý kiến đại hội: Phương án hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 sau sáp nhập với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6.

III. THẢO LUẬN CỦA CÁC CỔ ĐÔNG

1. Ý kiến cổ đông Nguyễn Ngọc Lan về việc dự thảo điều lệ như sau:

a. - Điều 27 mục 3 khoản e: Quyết định việc vay nợ và thực hiện các khoản thế chấp, đảm bảo, bảo lãnh và bồi thường của Công ty do HĐQT quyết định sẽ làm giảm sự linh hoạt của Tổng giám đốc điều hành.

- Chủ tịch HĐQT trả lời cổ đông: Hàng năm HĐQT công ty sẽ phê duyệt và thông qua tổng hạn mức vay nợ và bảo lãnh, sẽ ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện trong hạn mức đã được duyệt, điều này được quy định cụ thể hơn trong Quy chế quản lý tài chính của công ty.

b. - Điều 40 mục 5: Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi nhận trong báo cáo tài chính gần nhất, HĐQT phải xin ý kiến của cổ đông trước khi thực hiện.

- Chủ tịch HĐQT trả lời cổ đông: Dự thảo điều lệ hoạt động của Công ty đều dựa trên đúng theo hướng dẫn của Luật Doanh nghiệp hiện hành và hướng dẫn công tác quản trị đối với công ty đại chúng. Bên cạnh đó các cổ đông khác cũng nêu ý kiến không đồng ý

với ý kiến của cổ đông Nguyễn Ngọc Lan. Cổ đông Nguyễn Long Điền và Lưu Tuấn Khanh đều cho rằng, nếu ký Hợp đồng xây lắp có giá trị từ 35% giá trị tài sản trở lên phải có sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông sẽ đánh mất cơ hội kinh doanh, gây nhiều trở ngại cho công tác điều hành công ty cũng như không phù hợp với lĩnh vực xây lắp của Công ty.

- Cổ đông Nguyễn Ngọc Lan kiến nghị HĐQT công ty tiếp tục xem xét về tỷ lệ quy định tại mục 5, Điều 40 sao cho phù hợp nhất.

IV. BIỂU QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung Chủ tịch đoàn trình:

Nội dung 1: Thông qua toàn bộ Phương án phát hành thêm cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6 theo Tờ trình số 35/TTr/HĐQT-L18 ngày 08/6/2019 của Hội đồng quản trị.

Đại hội biểu quyết:

Tán thành: 9.651.959 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;

Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;

Không ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội.

Nội dung 2: Thông qua toàn bộ dự thảo Hợp đồng sáp nhập sẽ được ký kết giữa Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 và Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6 theo Tờ trình số 36/TTr/HĐQT-L18 ngày 08/6/2019 của Hội đồng quản trị.

Đại hội biểu quyết:

Tán thành: 9.651.959 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;

Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;

Không ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội.

Nội dung 3: Thông qua dự thảo Điều lệ Công ty sau sáp nhập và việc tăng vốn điều lệ Công ty theo Tờ trình số 37/TTr/HĐQT-L18 ngày 08/6/2019 của Hội đồng quản trị.

Đại hội biểu quyết:

Tán thành: 9.651.959 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;

Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;

Không ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội.



Nội dung 4: Thông qua toàn bộ Phương án hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 sau sáp nhập với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6 theo Tờ trình số 38/TTr/HĐQT-L18 ngày 08/6/2019 của Hội đồng quản trị.

Đại hội biểu quyết:

Tán thành: 9.651.959 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;

Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;

Không ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội.

VI. CÁC NỘI DUNG PHÁT SINH NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH: Không có

VII. THỦ TỤC BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Biên bản này cùng với Dự thảo Nghị quyết Đại hội được lập ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18 kết thúc chương trình nghị sự. Đại diện Tổ thư ký đã trình bày toàn văn Dự thảo Biên bản và Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 để Đại hội biểu quyết thông qua.

Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 đã tán thành với tỷ lệ 100% thông qua Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội, không tán thành 0%.

Biên bản đại hội được lập gồm 05 trang, Chủ tọa phiên họp và Trưởng ban thư ký cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản này.

Chủ tọa phiên họp đã tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18 vào hồi 10 giờ 0 phút ngày 08/6/2019.

TM.BAN THƯ KÝ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG
NĂM 2019 CÔNG TY LICOGI18
TRƯỞNG BAN THƯ KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)



LƯU BÁ THÁI

TM.ĐOÀN CHỦ TỊCH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG
NĂM 2019 CÔNG TY LICOGI18
CHỦ TỊCH HĐQT - CHỦ TỊCH ĐOÀN
(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐẶNG VĂN GIANG

Số: 35-TTr/HĐQT-L18

Hà nội, ngày 08 tháng 06 năm 2019

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2019

Thông qua Phương án phát hành thêm cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ:

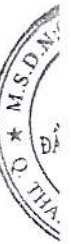
- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ban hành ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán;
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP;
- Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18.

Hội đồng quản trị Công ty xin kính trình Đại hội đồng cổ đông Thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 (LICOGI18) để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6 (LICOGI18.6).

1. Mục đích phát hành

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6 là công ty cổ phần chưa đại chúng, hiện có vốn điều lệ **115.000.000.000 đồng** (Một trăm mười lăm tỷ đồng) tương ứng với **11.500.000** (Mười một triệu năm trăm nghìn) cổ phần. Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 sẽ phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi lấy 11.500.000 cổ phiếu (tương ứng với 100 % vốn điều lệ) cho các cổ đông của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6 để trở thành chủ sở hữu 100% Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6.

Việc sáp nhập Công ty LICOGI18.6 vào Công ty LICOGI18 sẽ giúp nâng cao vị thế, tiềm lực tài chính, tối ưu hoá nguồn lực hiện có, gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm đem lại lợi ích ngày càng cao cho cổ đông và công ty, cụ thể:



- Việc sáp nhập giúp tập trung thống nhất trong quản trị - điều hành, giúp giảm các chi phí quản lý, chi phí hoạt động của công ty sau sáp nhập.
- Việc sáp nhập các công ty giúp tăng trưởng nhanh về quy mô tài sản, nguồn vốn (Tổng tài sản sau sáp nhập khoảng hơn 2.400 tỷ đồng), nâng cao tiềm lực tài chính, vị thế và dòng tiền của Công ty.
- Mở rộng địa bàn hoạt động, đa dạng hóa loại hình hoạt động: LICOGI18 hoạt động trong lĩnh vực đầu tư vào các dự án xây dựng và xây lắp, Công ty LICOGI18.6 chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xây lắp với các công trình trải khắp cả nước.
- Dễ huy động vốn cho các dự án sắp tới: Với quy mô vốn lớn hơn, nhiều tài sản là các công trình trên đất giá trị lớn, Công ty sau sáp nhập sẽ dễ huy động vốn cho các dự án đầu tư mở rộng sắp tới từ cả 2 nguồn là nguồn vốn chủ sở hữu (phát hành thêm trên thị trường) và nguồn vốn vay ngân hàng.
- Giá trị đầu tư của các cổ đông LICOGI18 và LICOGI18.6 sẽ gia tăng sau khi sáp nhập: Công ty sau sáp nhập có thể tiết giảm chi phí cố định (so với chi phí hoạt động từ các Công ty riêng lẻ), đồng thời tận dụng thế mạnh sẵn có của các công ty, từ đó gia tăng hiệu quả kinh doanh và gia tăng lợi ích cũng như giá trị đầu tư cho cổ đông LICOGI18 và LICOGI18.6.

2. Phương án phát hành

Tổ chức phát hành	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18
Tên cổ phiếu	L18
Loại cổ phiếu	Phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	11.500.000 cổ phiếu (Mười một triệu năm trăm nghìn cổ phiếu)
Tổng giá trị phát hành	115.000.000.000 (Một trăm mười lăm tỷ đồng chẵn)
Hình thức phát hành	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
Tỷ lệ hoán đổi do tổ chức thẩm định giá độc lập xác định	1:1 (01 cổ phiếu Công ty LICOGI18.6 sẽ đổi được 01 cổ phiếu L18) căn cứ theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của LICOGI18 và LICOGI18.6 do Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP Hồ Chí Minh thực hiện.
Phương pháp xác định tỷ lệ hoán đổi	Tỷ lệ hoán đổi được xác định dựa trên phương pháp mà Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP Hồ Chí Minh thực hiện. Nội dung cụ thể được đính kèm tờ trình này.

Tỷ lệ hoán đổi thực hiện	Thực hiện theo tỷ lệ hoán đổi 1:1 theo đúng tỷ lệ mà tổ chức thẩm định giá xác định (1 cổ phiếu LICOGI18.6 sẽ đổi được 1 cổ phiếu L18)
Đối tượng phát hành hoán đổi	Tất cả cổ đông của LICOGI18.6 có tên trong Danh sách cổ đông hưởng quyền
Phương thức phát hành	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty LICOGI18 phát hành 11.500.000 cổ phiếu để hoán đổi 11.500.000 cổ phiếu của LICOGI18.6 tương đương 100% tổng số cổ phiếu của LICOGI18.6 đang lưu hành. Theo đó các cổ đông sở hữu số lượng cổ phiếu của LICOGI18.6 sẽ nhận được một lượng cổ phiếu L18 tương ứng trên cơ sở tỷ lệ hoán đổi 1:1 - Vào ngày hoán đổi, tất cả cổ đông của LICOGI18.6 trong Danh sách cổ đông hưởng quyền sẽ được hoán đổi toàn bộ số cổ phiếu của mình lấy cổ phiếu L18 theo tỷ lệ hoán đổi. Không một cổ đông nào được quyền giữ lại và/hoặc yêu cầu LICOGI18 hoán đổi một phần hoặc toàn bộ cổ phiếu của LICOGI18.6 thuộc sở hữu của mình lấy tiền mặt hoặc bất cứ tài sản nào khác mà không phải cổ phiếu L18. - Sau ngày hoán đổi, mọi giao dịch liên quan đến cổ phiếu của Công ty LICOGI18.6 sẽ không còn giá trị. - Sau khi hoàn tất hoán đổi cổ phần, tất cả các cổ đông LICOGI18.6 sẽ trở thành cổ đông của Công ty LICOGI18 và được hưởng đầy đủ các quyền, lợi ích và nghĩa vụ như là cổ đông hiện hữu của LICOGI18 tương ứng với số cổ phần của L18 mà họ nhận được theo tỷ lệ hoán đổi quy định ở trên. Đồng thời Công ty LICOGI18 sẽ sở hữu toàn bộ cổ phần của Công ty LICOGI18.6, tiến hành giải thể LICOGI18.6 và tiếp tục thực hiện các quyền, lợi ích và nghĩa vụ của LICOGI18.6.
Từ chối quyền ưu tiên mua cổ phần của cổ đông hiện hữu	Đại hội đồng cổ đông LICOGI18 đồng ý và xác nhận việc các cổ đông hiện hữu của LICOGI18 sẽ không thực hiện quyền ưu tiên mua cổ phiếu đối với số cổ phần mới phát hành thêm trong đợt này.
Thời gian dự kiến phát hành thêm để hoán đổi cổ phiếu	Dự kiến trong năm 2019, ngay sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán.
Đơn vị tư vấn	Công ty Cổ phần chứng khoán FPT

6/2
 TY
 AN
 YDI
 18
 TP

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

Để việc triển khai thực hiện công tác hoán đổi cổ phiếu được nhanh chóng và thuận lợi, HĐQT kính trình ĐHCĐ phê duyệt ủy quyền và giao cho HĐQT:

- Lựa chọn thời điểm chào bán phù hợp, sao cho có lợi nhất cho cổ đông và cho Công ty;
- Bổ sung và hoàn chỉnh các vấn đề, nội dung của Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi nếu thấy cần thiết theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Ủy ban chứng khoán và/hoặc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và/hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam trên nguyên tắc bảo đảm lợi ích tổng thể của Công ty, các cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty;
- Tiến hành triển khai phương án phát hành, thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành với UBCKNN; lựa chọn thời điểm phân phối cổ phiếu thích hợp sau khi có chấp thuận của UBCKNN;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký niêm yết và lưu ký chứng khoán bổ sung với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD);
- Đăng ký tăng vốn và sửa Điều lệ theo số vốn sau đợt phát hành theo quy định của pháp luật;
- Quyết định tất cả các công việc khác có liên quan hay phát sinh mà HĐQT nhận thấy là cần thiết để hoàn thành các nội dung công việc được giao; và
- Tùy trường hợp cụ thể, cho phép HĐQT được ủy quyền lại cho Tổng giám đốc hoặc cán bộ quản lý khác để thực hiện một hoặc một số các công việc cụ thể nêu trên đây.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu HĐQT



Hà Nội, ngày 07 tháng 06 năm 2019

**PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH VÀ TỶ LỆ HOÁN ĐỔI CỔ PHIẾU
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18 VỚI CỔ PHIẾU CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẦU ĐƯỜNG SỐ 18.6**

*(Đính kèm Tờ trình số 35-TTr/HĐQT-L18 Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu
Công ty LICOGI18 để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu của Công ty LICOGI18.6)*

Các căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại khoá XIII, kỳ họp thứ 8 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18;
- Căn cứ hợp đồng tư vấn thẩm định giá số 04.19.134/AISC-TV ngày 18/04/2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng số 18 và Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP Hồ chí Minh (AISC);
- Căn cứ vào kết quả thẩm định giá của công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TP Hồ chí Minh tại các Chứng thư – Báo cáo kết quả thẩm định giá số C04.19.134/AISC-L18 (cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18) ngày 24/05/2019 và C04.19.134/AISC-L18.6 (cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường số 18.6) ngày 24/05/2019.

I. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH TỶ LỆ HOÁN ĐỔI

- 1. Nguyên tắc xác định tỷ lệ hoán đổi:** thực hiện theo tiêu chuẩn thẩm định giá số 12 (Thẩm định giá trị doanh nghiệp) ban hành kèm theo thông tư 122/2017/TT-BTC ngày 15/11.2017 của Bộ Tài chính.

Cụ thể, nguyên tắc xác định tỷ lệ hoán đổi được căn cứ trên các phương pháp sau:

- 1.1. Phương pháp tài sản:** Phương pháp tài sản là phương pháp ước tính giá trị của doanh nghiệp cần thẩm định giá thông qua tính tổng giá trị thị trường của các tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của doanh nghiệp cần thẩm định giá.

Nguyên tắc thực hiện:

- Tài sản được xem xét trong quá trình thẩm định giá là tất cả các tài sản của doanh nghiệp, bao gồm cả tài sản hoạt động và tài sản phi hoạt động.
- Khi thẩm định giá doanh nghiệp theo cơ sở giá trị thị trường thì giá trị các tài sản của doanh nghiệp là giá trị thị trường của tài sản đó tại thời điểm thẩm định giá. Tài sản trong sổ sách kế toán cần được thẩm định giá đúng với giá trị thị trường

- Tài sản vô hình không thỏa mãn các điều kiện để được ghi nhận trên sổ sách kế toán (tên thương mại, nhãn hiệu, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp...) và các tài sản không được ghi nhận trên sổ sách kế toán cần được áp dụng phương pháp thẩm định giá phù hợp để xác định.

Nội dung thực hiện:

- Bước 1: Ước tính tổng giá trị các tài sản hữu hình và tài sản tài chính của doanh nghiệp cần thẩm định giá.
- Bước 2: Ước tính tổng giá trị các tài sản vô hình của doanh nghiệp cần thẩm định giá.
- Bước 3: Ước tính giá trị của doanh nghiệp cần thẩm định giá.

1.2. Phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do của doanh nghiệp (FCFF)

Phương pháp này xác định giá trị doanh nghiệp cần thẩm định giá thông qua ước tính tổng của giá trị chiết khấu dòng tiền tự do của doanh nghiệp cần thẩm định giá với giá trị hiện tại của các tài sản phi hoạt động của doanh nghiệp tại thời điểm thẩm định giá. Trường hợp doanh nghiệp cần thẩm định giá là công ty cổ phần, phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do của doanh nghiệp được sử dụng với giả định coi các cổ phần ưu đãi của doanh nghiệp cần thẩm định giá như cổ phần thường. Giả định này cần được nêu rõ trong phần hạn chế của Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo kết quả thẩm định giá.

Nội dung thực hiện :

- Bước 1 : Dự báo dòng tiền tự do của doanh nghiệp cần thẩm định giá (số năm dự báo cho đến khi doanh nghiệp bước vào giai đoạn tăng trưởng đều) theo công thức $FCFF = EBIT \cdot (1-t) + \text{Khấu hao} - \text{Chi đầu tư vốn} - \text{Thay đổi vốn lưu động thuần ngoài tiền mặt và tài sản phi hoạt động ngắn hạn (chênh lệch vốn hoạt động thuần)}$.
- Bước 2 : Ước tính chi phí sử dụng vốn bình quân gia quyền WACC của doanh nghiệp cần thẩm định giá.
- Bước 3 : Ước tính giá trị cuối kỳ dự báo
- Bước 4 : Ước tính giá trị của doanh nghiệp cần thẩm định giá
 - Tính tổng giá trị hiện tại thuần của các dòng tiền tự do của doanh nghiệp và giá trị cuối kỳ dự báo của doanh nghiệp theo tỷ suất chiết khấu là chi phí sử dụng sử dụng vốn bình quân gia quyền của doanh nghiệp WACC.
 - Ước tính giá trị các tài sản phi hoạt động của doanh nghiệp
 - Ước tính giá trị của doanh nghiệp cần thẩm định giá bằng cách cộng giá trị hiện tại thuần của các dòng tiền tự do của doanh nghiệp và giá trị cuối kỳ dự báo với giá trị các tài sản phi hoạt động của doanh nghiệp cần thẩm định giá.
- Bước 4 : Ước tính giá trị vốn CSH của doanh nghiệp cần thẩm định giá theo công thức :

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHIỆP
HÀ NỘI
S
/ANH

Vốn CSH của doanh nghiệp TĐG = Giá trị doanh nghiệp TĐG- Giá trị các khoản nợ (ngắn hạn và dài hạn).

1.3. Phương pháp tỷ số bình quân

Trường hợp kết quả ở bước 4 của phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do của doanh nghiệp (FCFF) là một số âm thì kết quả này không sử dụng được và phải thay thế bằng phương pháp tỷ số bình quân (trường hợp của công ty Licogi 18). Nội dung của phương pháp này như sau :

- Bước 1: Đánh giá, lựa chọn các doanh nghiệp so sánh . Có ít nhất 3 doanh nghiệp so sánh (ưu tiên các doanh nghiệp so sánh là các doanh nghiệp đã niêm yết trên sàn chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch trên UPCOM). Doanh nghiệp so sánh phải tương tự doanh nghiệp cần thẩm định giá về các yếu tố : ngành nghề kinh doanh chính, nhóm khách hàng, thị trường tiêu thụ, các chỉ số tài chính...
- Bước 2 : Xác định tỷ số thị trường được sử dụng để ước tính giá trị doanh nghiệp cần TĐG, thông thường là các tỷ số P/E, P/B, P/S, EV/EBITDA. Việc xác định các tỷ số thị trường, chỉ số tài chính phải nhất quán đối với tất cả các doanh nghiệp so sánh và doanh nghiệp TĐG.
- Bước 3: Ước tính giá trị vốn CSH doanh nghiệp TĐG theo từng tỷ số bình quân và phân tích, đánh giá để xác định giá trị vốn CSH của doanh nghiệp TĐG theo phương pháp tỷ số bình quân.

1.4. Kết luận về giá trị vốn CSH của doanh nghiệp

Giá trị vốn CSH cuối cùng của từng doanh nghiệp được xác định thông qua việc tính bình quân có trọng số cho từng phương án dựa trên độ tin cậy của từng phương pháp, thông tin dữ liệu đầu vào, mục đích thẩm định giá ... đảm bảo phù hợp với thị trường

1.5. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp ở các công ty Licogi 18 và Licogi 18.6

Công ty	Giá trị vốn CSH theo phương pháp tài sản (VND)	Giá trị vốn CSH theo phương pháp chiết khấu dòng FCFF, hoặc phương pháp tỷ số bình quân (VND)	Giá trị vốn CSH thẩm định (VND)	Số cổ phần (cp)	Giá trị 1 cổ phần (VND/cp)

Licogi 18	174.167.807.645	71.828.401.345	122.998.104.495	8.099.979	15.185
Licogi 18.6	172.231.814.026	55.317.457.680	172.231.814.026	11.500.000	14.977

Ghi chú :

- Các phương pháp thẩm định giá trị vốn CSH (phương pháp tài sản, phương pháp chiết khấu dòng tiền FCFF, phương pháp tỷ số bình quân) được thực hiện theo tiêu chuẩn thẩm định giá số 12 (Thẩm định giá trị doanh nghiệp) ban hành kèm theo thông tư 122/2017/TT-BTC ngày 15/11.2017 của Bộ Tài chính.
- Giá trị 1 cổ phần xác định theo tiêu chuẩn thẩm định giá số 12 nêu trên là để phục vụ mục đích hoán đổi cổ phiếu (theo hợp đồng tư vấn thẩm định giá đã ký kết), không dùng để mua bán cổ phiếu.
- Ở công ty Licogi 18 sử dụng 2 phương pháp : phương pháp tài sản (trọng số 50%) và phương pháp tỷ số bình quân (trọng số 50%) do cả 2 phương pháp được TDV đánh giá có độ tin cậy ngang nhau (phương pháp tài sản dựa trên kết quả thẩm định giá những tài sản thực tế mà doanh nghiệp đang nắm giữ; phương pháp tỷ số bình quân dựa trên những chỉ số được tính toán từ dữ liệu thực tế thị trường và các doanh nghiệp cùng ngành nghề đang kinh doanh).
- Ở công ty Licogi 18.6 sử dụng 2 phương pháp : phương pháp tài sản và phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do của doanh nghiệp FCFF. Phương pháp tài sản dựa trên kết quả thẩm định giá những tài sản thực tế mà doanh nghiệp đang nắm giữ nên có độ tin cậy cao hơn hẳn so với phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do của doanh nghiệp (dựa vào các số liệu dự báo trong tương lai nên không chắc chắn vì tùy thuộc kịch bản đưa ra để xem xét. Hơn nữa các số liệu về tăng trưởng doanh thu của doanh nghiệp trong quá khứ không ổn định, biến động lớn từ -39,57%/năm đến 43,16%/năm nên việc dự báo này càng khó khăn và ít tin cậy). Ngoài ra theo nguyên tắc sử dụng tốt nhất và có hiệu quả nhất (là nguyên tắc kinh tế hàng đầu chi phối hoạt động thẩm định giá) giá trị thẩm định theo phương pháp tài sản phù hợp hơn so với phương pháp chiết khấu dòng tiền FCFF. Do đó TDV kiến nghị chọn kết quả theo phương pháp tài sản làm kết quả thẩm định giá trị vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

1.6. Về tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 (Licogi 18) với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường số 18.6 (Licogi 18.6)

Do giá trị 1 cổ phần của Licogi 18 (15.185 đồng/cổ phần) và của Licogi 18.6 (14.977 đồng/cổ phần) rất xấp xỉ nhau (chênh lệch khoảng 1,4%) nên đơn vị tư vấn kiến nghị tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu là 1:1

2. Tỷ lệ hoán đổi thỏa thuận:

Đánh giá yếu tố thận trọng, tính thanh khoản hiện tại của cổ phiếu trên thị trường, và khả năng thành công của đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi đồng thời phù hợp với nhu cầu nhà đầu tư của hai công ty. Tỷ lệ hoán đổi được đề nghị của cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 với Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng cầu đường số 18.6 là 1:1 với giá hoán đổi bằng mệnh giá, 10.000 đồng/cổ phiếu.

II. TỶ LỆ HOÁN ĐỔI CỔ PHIẾU

Căn cứ việc xác định tỷ lệ hoán đổi nêu trên và giá hoán đổi bằng mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu, như vậy tỷ lệ hoán đổi là 1 : 1 (tức là 1 cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6 sẽ được hoán đổi thành 1 cổ phiếu của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18).

Ví dụ:

Một Nhà đầu tư đang sở hữu 100 cổ phiếu của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6, tương ứng 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Sau khi thực hiện hoán đổi cổ phiếu, Nhà đầu tư này sẽ trở thành cổ đông và sở hữu 100 cổ phiếu của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, tương ứng với giá trị là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

**XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC KIỂM
TOÁN ĐƯỢC CHẤP THUẬN CÓ
CHỨC NĂNG THẨM ĐỊNH GIÁ
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Minh

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Th.s: Đặng Văn Giang

Số: 36-TTr/HĐQT-L18

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2019

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2019

Thông qua Dự thảo Hợp đồng sáp nhập

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ban hành ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Bản dự thảo Hợp đồng sáp nhập sẽ được ký kết giữa Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 và Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18.6. Bản Dự thảo Hợp đồng sáp nhập với các nội dung chính được đính kèm theo Tờ trình này.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông giao cho:

- Hội đồng quản trị hoàn thiện, tổ chức thực hiện Hợp đồng sáp nhập theo đúng quy định của pháp luật.
- Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện ký kết Hợp đồng sáp nhập

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu HĐQT



DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG SÁP NHẬP

Số

Giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18

Và

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẦU
ĐƯỜNG SỐ 18.6**



Hợp đồng sáp nhập này (“**Hợp đồng**”) được lập và ký kết vào ngày.....tháng..... năm 2019 bởi và giữa các Bên:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18 (L18)

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 471, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Điện thoại: 0243 854 0401
- GCNĐKKD số: 0800001612 cấp lần đầu ngày 01/07/2008, thay đổi lần 8 ngày xx/xx/xx do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp
- Mã số thuế: 0800001612
- Người đại diện: Ông Đặng Văn Giang
- Chức vụ: Tổng giám đốc (Sau đây gọi tắt là “Bên A”)

Và

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẦU ĐƯỜNG SỐ 18.6

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng I và II, Tòa nhà Licogi 18, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 0246.2875 201
- GCNĐKKD số: 2500279988 cấp lần đầu ngày 09/08/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 09 tháng 02 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp
- Mã số thuế: 2500279988
- Người đại diện: Ông Bùi Thanh Tuyên
- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Công ty

Bên A và Bên B sau đây gọi riêng là “Bên”, gọi chung là “Các Bên”, “Hai Bên”

CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- *Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;*
- *Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn trong lĩnh vực Chứng khoán*
- *Nghị định số 58/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán*
- *Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP*

- Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 số ngày 08/06/2019 thông qua phương án sáp nhập.
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6 số ngày 28/05/2019 thông qua phương án sáp nhập
- Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 số ngày xx/xx/2019 thông qua Hợp đồng sáp nhập
- Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6 số xxx ngày xx/xx/2019 thông qua Hợp đồng sáp nhập

CƠ SỞ XÁC LẬP HỢP ĐỒNG

Xét vì Bên A là Công ty cổ phần đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là L18 và Bên B là Công ty cổ phần chưa đại chúng cùng mong muốn tái cấu trúc lại doanh nghiệp thông qua việc sáp nhập Bên B vào Bên A để nhằm phát huy và tập trung nguồn lực của các Bên, nâng cao năng lực tài chính, phát triển thương hiệu, mở rộng hoạt động kinh doanh, đầu tư và vì lợi ích tốt nhất của tất cả cổ đông của các Bên;

Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) của Bên A đã thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số xxx ngày xx/xx/2019 và ĐHĐCĐ của Bên B đã thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số xxx ngày xx/xx/2019, theo đó đã đồng ý và phê chuẩn (i) việc hoán đổi toàn bộ cổ phiếu của Bên B bằng cổ phiếu của Bên A; (ii) các nội dung chính của Hợp đồng sáp nhập giữa Bên A và Bên B; và (iii) ủy quyền cho Hội đồng quản trị (HĐQT) của từng Bên tiếp tục tổ chức tiến hành thương lượng, đàm phán và thông qua Hợp đồng.

Trên cơ sở kết quả thương lượng, đàm phán giữa hai Bên, theo nguyên tắc tự nguyện và vì lợi ích của các Bên, Bên A và Bên B thống nhất ký kết Hợp đồng sáp nhập này với các nội dung điều khoản và điều kiện cụ thể như sau:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

- 1.1. Hợp đồng: là hợp đồng sáp nhập được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18.6, tức Hợp đồng này.
- 1.2. Giao dịch sáp nhập: là việc Bên A phát hành thêm cổ phần để hoán đổi toàn bộ cổ phần đang lưu hành của Bên B theo Hợp đồng sáp nhập này. Sau khi kết thúc việc hoán đổi Bên A trở thành chủ sở hữu duy nhất của Bên B.
- 1.3. Ngày chốt danh sách: Là ngày đăng ký cuối cùng để xác định danh sách người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền phù hợp với thông báo của Bên A, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và quy định của pháp luật

- 1.4. Ngày hoàn thành: Là ngày mà tất cả các điều kiện tại Điều 2.2 được đáp ứng toàn bộ.
- 1.5. Ngày ký kết: Là ngày ký kết Hợp đồng này.
- 1.6. Ngày hoán đổi: Là ngày chốt danh sách cổ đông Bên B để hưởng quyền hoán đổi cổ phần để lấy cổ phần của Bên A.
- 1.7. ĐHDCD: Đại hội đồng cổ đông
- 1.8. HĐQT: Hội đồng quản trị
- 1.9. BKS: Ban kiểm soát
- 1.10. GCNDKDN: giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp
- 1.11. UBCKNN: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

ĐIỀU 2. SÁP NHẬP CÔNG TY

- 2.1. Tùy thuộc vào việc hoàn tất các bước nêu tại Điều xx dưới đây, vào ngày hoàn thành, Bên B sẽ được sáp nhập vào Bên A và được tổ chức lại như sau:
 - a) Hiện tại Bên B đang có 11.500.000 (mười một triệu năm trăm) cổ phần đang lưu hành, giao dịch sáp nhập sẽ được thực hiện thông qua việc Bên A phát hành thêm 11.500.000 (mười một triệu năm trăm) cổ phần phổ thông (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) để hoán đổi toàn bộ số cổ phần của Bên B (mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần). Sau khi hoàn tất việc hoán đổi các cổ đông của Bên B sẽ trở thành cổ đông của Bên A và hưởng mọi quyền, lợi ích và có đầy đủ các nghĩa vụ như các cổ đông hiện hữu của Bên A tương ứng với số cổ phiếu mà cổ đông đó sở hữu.
 - b) Bên B sẽ tiến hành giải thể và chấm dứt sự tồn tại. Vào Ngày hoàn thành, Bên A sẽ tiếp nhận và kế thừa toàn bộ các quyền, lợi ích hợp pháp; đồng thời chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ tài sản, công nợ, lao động và các nghĩa vụ khác của Bên B (bao gồm nhưng không giới hạn các quyền kinh doanh, quyền sử dụng đất, các khoản nợ phải thu, các khoản nợ phải trả, các quyền và nghĩa vụ theo các hợp đồng mà Bên B ký kết với bất kỳ bên thứ Ba nào, hợp đồng lao động ký giữa Bên B và nhân viên của Bên B,...)
 - c) Sau khi hoàn tất việc hoán đổi cổ phần theo Hợp đồng này, Vốn điều lệ của Bên A sẽ được tăng thêm một khoản tương ứng với tổng số cổ phần phổ thông thực tế mà Bên A đã phát hành thêm nhân với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, để hoán đổi toàn bộ cổ phần của Bên B phù hợp với quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.
 - d) Các Bên cũng đồng ý thêm rằng việc tính toán số cổ phiếu phân phối cho từng Cổ đông hưởng quyền và cổ đông của Bên A theo Điều này sẽ do Bên A thực hiện và Bên B và các Cổ đông hưởng quyền đồng ý với mọi tính toán như vậy của Bên A.

- e) Để tránh nhầm lẫn, Bên A không phải phát hành thêm bất kỳ cổ phiếu nào của mình hay thanh toán bất kỳ khoản tiền hoặc tài sản nào khác cho bất kỳ tổ chức/cá nhân nào liên quan đến cổ phiếu của Bên B.

2.2. Giao dịch sáp nhập sẽ được coi là hoàn thành vào ngày mà tất cả các điều kiện dưới đây được đáp ứng toàn bộ (“Ngày hoàn thành”):

- a) Bên A đã hoàn thành việc phát hành thêm cổ phần để hoán đổi với toàn bộ số cổ phần đang lưu hành của Bên B cho tất cả các cổ đông của Bên B và cổ phần được quyền chào bán (cổ phiếu quỹ) của Bên B (nếu có) theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này
- b) Bên A được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp (GCNĐKDN) sửa đổi ghi nhận phần Vốn điều lệ tăng thêm một khoản tương ứng với số cổ phần phổ thông phát hành thêm thực tế nhân với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần để hoán đổi 100% cổ phần phổ thông của Bên B; và
- c) Bên B hoàn tất các thủ tục tiến hành giải thể Doanh nghiệp

2.3. Tại bất kỳ thời điểm nào sau Ngày hoàn thành, nếu có bất kỳ hành động bổ sung nào được cho là cần thiết và thỏa đáng để thực hiện các mục đích của hợp đồng này và để cho Bên A tiếp nhận các quyền, quyền sở hữu và quyền chiếm hữu đối với tất cả các tài sản, quyền, đặc quyền, khả năng và quyền kinh doanh của Bên B, Bên A sẽ thực hiện tất cả các hành động hợp pháp và cần thiết đó. Tuy nhiên để tránh hiểu nhầm, các Bên thống nhất rằng tất cả các tài sản, quyền lợi, đặc quyền, khả năng và quyền kinh doanh của Bên B sẽ được chuyển sang cho Bên A cùng với tất cả các khoản nợ, các khoản phải trả, nghĩa vụ, hạn chế và nghĩa vụ thuế của Bên B sẽ trở thành các khoản nợ, các khoản phải trả, nghĩa vụ, hạn chế và nghĩa vụ thuế của Bên A mà không phụ thuộc vào việc Bên A có tiến hành các công việc quy định tại Điều 2.3 này hoặc các hành động khác mà Bên A phải thực hiện sau ngày hoàn thành theo các quy định khác của Hợp đồng này hay không.

ĐIỀU 3. ĐIỀU KIỆN SÁP NHẬP

Các nghĩa vụ tương ứng của mỗi Bên trong Hợp đồng này để thực hiện việc sáp nhập phải đáp ứng các điều kiện sau tại hoặc trước Ngày hoàn thành:

- a) Hợp Đồng này được chấp thuận và thông qua một cách hợp lệ bởi HĐQT của Bên A và Bên B với các nội dung chính đã được ĐHCĐ bất thường của Các Bên thông qua và được đại diện có thẩm quyền của Bên A và Bên B ký kết.
- b) Điều lệ của Bên A sau khi sáp nhập được chấp thuận và thông qua một cách hợp lệ bởi
- c) ĐHCĐ của cả Bên A và Bên B.

- d) Từng Bên đã thông báo về Giao dịch sáp nhập và các tài liệu liên quan cho các chủ nợ của Bên đó, bao gồm nhưng không giới hạn các Ngân hàng, tổ chức cung cấp tín dụng, tổ chức, cá nhân hiện đang nhận tài sản bảo đảm hay bảo lãnh của Bên đó và các trái chủ theo các hợp đồng đặt mua trái phiếu mà Bên đó tham gia (nếu có).
- e) Từng Bên đã thông báo về Giao dịch sáp nhập cho tất cả người lao động của Bên đó theo quy định của pháp luật.
- f) Giao dịch sáp nhập này không vi phạm điều cấm của Luật cạnh tranh về tập trung kinh tế.
- g) Tất cả các phê chuẩn, chấp thuận cần có hay nên có từ các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước có thẩm quyền hay từ bất kỳ Bên thứ ba nào đều đã đạt được, bao gồm nhưng không giới hạn ở Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu do Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp cho Bên A để thực hiện Giao dịch sáp nhập thông qua việc phát hành thêm số cổ phần phổ thông (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) cho tất cả cổ đông của Bên B nhằm mục đích hoán đổi để sở hữu toàn bộ số cổ phần của Bên B hiện đang lưu hành và cổ phần được quyền chào bán (cổ phiếu quỹ) của Bên B (nếu có) theo tỷ lệ chuyển đổi như được quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.
- h) Các Bên đã tiến hành việc công bố thông tin cần thiết về Giao dịch sáp nhập theo yêu cầu của Luật chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật cạnh tranh và các luật có liên quan.
- i) Bên A và Bên B thực hiện hoặc tuân thủ, trên mọi khía cạnh, tất cả những thỏa thuận
- j) được quy định trong Hợp đồng này vào hoặc trước Ngày hoàn thành.
- k) Vào hoặc trước Ngày hoàn thành, tất cả các cam đoan và bảo đảm của Bên A và Bên B được quy định tương ứng tại Hợp đồng này vẫn đúng.
- l) Không một cơ quan nào của Chính phủ ban hành, cấp, quy định hoặc buộc thực hiện bất kỳ luật lệ, phép tắc, quy định, lệnh mang tính chất hành pháp, nghị định, chỉ thị hoặc các lệnh khác (có tính chất tạm thời, sơ bộ hay ổn định) có hiệu lực làm việc sáp nhập trở nên bất hợp pháp hoặc nếu không gây ra những ảnh hưởng bất lợi đáng kể đối với Giao dịch sáp nhập. Ảnh hưởng bất lợi đáng kể theo Hợp đồng này có nghĩa là bất kỳ thay đổi, sự kiện, vi phạm, thiếu chính xác, hoàn cảnh hoặc hiệu ứng, bởi bất cứ một cơ quan có thẩm quyền nào, một cách đơn lẻ hay khi tổng hợp với những thay đổi, sự kiện, vi phạm, thiếu chính xác, hoàn cảnh hoặc hiệu ứng khác, gây bất lợi đáng kể đến hoạt động kinh doanh tài sản (bao gồm bất động sản), các ưu đãi đầu tư, sử dụng vốn, điều kiện tài chính hoặc các kết quả kinh doanh của thực thể đó để thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của Hợp đồng này và để hoàn tất Giao dịch sáp nhập đúng hạn.

ĐIỀU 4. THỦ TỤC SÁP NHẬP

4.1. Các hành động được các Bên thực hiện trước ngày ký kết Hợp đồng này:

- a) ĐHĐCĐ bất thường của Bên A và ĐHĐCĐ bất thường của Bên B đã thông qua (i) phương án sáp nhập; (ii) các nội dung chính của Hợp đồng này; (iii) dự thảo Điều lệ sửa đổi của Bên A; và (iv) ủy quyền cho HĐQT của Bên A và Bên B tiếp tục tổ chức tiến hành thương lượng, đàm phán và ký kết Hợp đồng này;
- b) HĐQT của Bên A và Bên B đã thông qua Hợp đồng này tương ứng theo các Nghị quyết số xxx ngày xxx và Nghị quyết số xxx ngày xxx;
- c) Bên A và Bên B phải thông báo cho người lao động của mình về Giao dịch sáp nhập.

4.2. Các hành động phải được thực hiện sau ngày ký kết: Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ký kết, Bên A và Bên B tùy từng trường hợp, phải tiến hành các công việc sau:

- a) Bên A và Bên B phải thông báo về Giao dịch sáp nhập và các tài liệu liên quan cho các chủ nợ của mình theo các quy định tại các hợp đồng, tài liệu giao dịch mà Bên A và Bên B đã ký kết với các chủ nợ của mình.
- b) Bên A phải thực hiện các thủ tục cần thiết để nhận được Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu riêng lẻ do UBCKNN cấp cho phép Bên A phát hành thêm cổ phần phổ thông để hoán đổi và sở hữu toàn bộ cổ phần của Bên B theo quy định của Hợp đồng này.
- c) Thực hiện các thủ tục công bố thông tin theo quy định của pháp luật có liên quan.
- d) Bên B gửi cho Bên A các tài liệu sau:
 - i. Danh mục tài sản của Bên B và hiện trạng của các tài sản đó, bao gồm cả các đối tượng sở hữu trí tuệ (nếu có);
 - ii. Danh mục các hợp đồng của Bên B (bao gồm cả các hợp đồng thuê đất);
 - iii. Danh mục các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bên B kèm theo bản sao công chứng các tài liệu này;
 - iv. Danh sách các công ty con, công ty liên kết, tổ chức mà Bên B có cổ phần hoặc phần vốn góp và tỷ lệ vốn góp tương ứng của Bên B trong các công ty, tổ chức này;
 - v. Danh sách người lao động của Bên B để Bên A lên phương án, kế hoạch sử dụng người lao động của Bên B sau Ngày hoàn thành;
 - vi. Danh sách các khoản nợ phải trả và phương án giải quyết đối với các khoản nợ, các giao dịch và nghĩa vụ tài sản kèm theo (bao gồm cả khoản nợ thuế, bảo hiểm xã hội...); và
 - vii. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Bên B cho ba năm tài chính gần nhất.

4.3. Các hành động để hoàn thành Giao dịch sáp nhập:

- a) Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được Giấy chứng nhận chào bán (“Ngày T”), Bên A và Bên B phải tiến hành việc công bố thông tin về Giao dịch sáp nhập và Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- b) Trong vòng xx ngày làm việc kể từ Ngày T, Bên B phải tiến hành các công việc sau:
 - i. Thực hiện các thủ tục có liên quan để chốt danh sách cổ đông (“Danh sách cổ đông hưởng quyền”) của Bên B được hưởng quyền hoán đổi cổ phần để lấy cổ phần của Bên A;
 - ii. Gửi Danh sách cổ đông hưởng quyền cho Bên A.
- c) Tại ngày chốt danh sách cổ đông của Bên B để hưởng quyền hoán đổi cổ phần để lấy cổ phần của Bên A (“Ngày hoán đổi”), Bên A tiến hành tính toán và phân bổ cổ phần cho các cổ đông của Bên B dựa trên tỷ lệ hoán đổi cổ phần tại Điều 5 của Hợp Đồng này theo Danh sách cổ đông hưởng quyền.
- d) Trong vòng mười (10) ngày kể từ Ngày hoán đổi, Bên A phải tiến hành:
 - i. Tổng hợp kết quả của đợt phát hành cổ phần và thông báo kết quả cho UBCKNN;
 - ii. Tiến hành thủ tục thông báo thay đổi đăng ký kinh doanh của Bên A tại Sở Kế hoạch và Đầu tư để được cấp GCNĐKDN sửa đổi ghi nhận phần Vốn điều lệ tăng thêm một khoảng tương ứng với số cổ phần phổ thông phát hành thêm thực tế nhân với mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần để hoán đổi và 100% cổ phần phổ thông của Bên B;
 - iii. Bên A phải tiến hành việc đăng ký giải thể và chấm dứt sự tồn tại của Bên B;
 - iv. Bên A phải nộp hồ sơ xin lưu ký bổ sung cổ phiếu đối với số cổ phiếu phát hành cho cổ đông của Bên B lên cho TTLKCK để nhận chấp thuận lưu ký bổ sung;
 - v. Bên A phải nộp hồ sơ xin niêm yết bổ sung cổ phiếu đối với số cổ phiếu phát hành cho cổ đông của Bên B lên cho HNX để nhận chấp thuận niêm yết bổ sung.

4.4. Các hành động phải thực hiện sau ngày hoàn thành: Trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được chấp thuận giải thể Bên B, Bên A phải tiến hành các công việc sau đây:

- a) Thực hiện việc công bố thông tin và/hoặc đăng báo cáo theo quy định của pháp luật sau khi được cấp GCNĐKDN;
- b) Tiến hành các thủ tục cần thiết để:
 - i. Tiếp tục thực hiện các hợp đồng lao động với người lao động của Bên B;

- ii. Tiến hành đăng ký thay đổi quyền sở hữu sang Bên A với các tài sản có đăng ký sở hữu hoặc bắt buộc đăng ký sở hữu, bao gồm cả quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng đất, và các tài sản khác.
- iii. Ký kết phụ lục hợp đồng để sửa đổi hoặc ký kết hợp đồng, thỏa thuận mới để thay thế các hợp đồng thỏa thuận mà Bên B đã ký với Bên thứ ba (nếu cần thiết); và
- iv. Tất cả các công việc cần thiết khác để Bên A kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên B phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tuân thủ các quy định tại Hợp đồng này.

Để tránh hiểu nhầm các Bên thống nhất rằng không phụ thuộc vào việc Bên A có thực hiện hoặc thực hiện xong các công việc nêu tại Điều 4.4 này hay không, vào và kể từ Ngày hoàn thành, Bên A sẽ có toàn bộ các quyền, quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm, như thể là Bên B, đối với tài sản, các quyền, quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên B.

ĐIỀU 5. HOÁN ĐỔI CỔ PHẦN

- 5.1. Vào ngày hoán đổi, Bên A sẽ phát hành thêm cổ phần của mình (mã giao dịch trên HNX là L18) cho các cổ đông của Bên B theo Danh sách Cổ đông hưởng quyền để đổi lấy 100% cổ phần của Bên B theo phương thức sau:
 - a) Tỷ lệ hoán đổi cổ phần phổ thông của Bên B sang cổ phần phổ thông của Bên A là 1:1 (tức là 1 cổ phần phổ thông của Bên B sẽ đổi được 1 cổ phần phổ thông của Bên A (mã giao dịch trên HNX là L18)).
 - b) Tỷ lệ hoán đổi nêu tại Điều 5.1 này là tỷ lệ cố định và không được thay đổi trong mọi trường hợp.
 - c) Trong trường hợp tại ngày hoán đổi, nếu Bên B có bất kỳ cổ phần được quyền chào bán nào (cổ phiếu quỹ) (nếu có) thì tất cả các cổ phần được quyền chào bán đó cũng sẽ được hoán đổi thành cổ phần phổ thông của Bên A (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) theo tỷ lệ hoán đổi quy định tại Điều 5.1 này và toàn bộ số cổ phần này sau khi hoán đổi sẽ trở thành cổ phần được quyền chào bán của Bên A.
- 5.2. Kể từ khi hoàn thành việc hoán đổi cổ phần, các cổ đông của Bên B (theo Danh sách Cổ đông hưởng quyền) sẽ trở thành cổ đông của Bên A và được hưởng đầy đủ các quyền, lợi ích và nghĩa vụ như là cổ đông hiện hữu của Bên A tương ứng với số cổ phần của Bên A mà họ nhận được theo tỷ lệ hoán đổi quy định tại Hợp đồng này. Đồng thời Bên A sẽ sở hữu toàn bộ cổ phần của Bên B, tiến hành giải thể Bên B và tiếp tục thực hiện các quyền, lợi ích và nghĩa vụ của Bên B.
- 5.3. Các Bên đồng ý và xác nhận rằng các cổ đông được nêu trong Danh sách Cổ đông hưởng quyền của Bên B sẽ được hoán đổi toàn bộ cổ phần phổ thông của Bên B thuộc sở hữu của mình lấy cổ phần phổ thông của Bên A theo quy định tại Hợp đồng này. Không một cổ đông nào được quyền giữ lại và/hoặc yêu cầu Bên A hoán đổi một phần

hoặc toàn bộ cổ phần phổ thông của Bên B thuộc sở hữu của mình lấy tiền mặt hoặc bất cứ tài sản gì khác mà không phải là cổ phần của Bên A.

- 5.4. Các bên đồng ý và xác nhận rằng các cổ đông được nêu trong Danh sách Cổ đông hưởng quyền là cổ đông của Bên B và có quyền hoán đổi toàn bộ cổ phần phổ thông của họ tại Bên B thành cổ phần phổ thông của Bên A theo quy định tại Hợp đồng này. Nếu có sự mâu thuẫn giữa Danh sách Cổ đông hưởng quyền và bất cứ tài liệu nào và/hoặc bất kỳ tranh chấp nào phát sinh liên quan đến Danh sách Cổ đông hưởng quyền thì Danh sách cổ đông hưởng quyền sẽ có giá trị sử dụng và Bên A sẽ không phải chịu bất kỳ trách nhiệm hay hậu quả nào phát sinh từ những mâu thuẫn, tranh chấp nói trên.
- 5.5. Kể từ thời điểm kết thúc việc hoán đổi cổ phần như quy định tại hợp đồng này, tất cả các tờ cổ phiếu hay chứng nhận sở hữu cổ phần liên quan đến các cổ phần của Bên B (nếu có) sẽ bị coi là đã hủy bỏ và không còn giá trị và các cổ đông của Bên B sẽ không còn quyền hay lợi ích nào liên quan đến các cổ phần đó cũng như liên quan đến vốn điều lệ đã sáp nhập vào Bên A.
- 5.6. Bất kỳ cổ phần nào của Bên B bị ràng buộc bởi bất kỳ giao dịch bảo đảm nào cũng sẽ được hoán đổi lấy cổ phần của Bên A giống như các cổ phần phổ thông khác theo Điều 5 này. Bằng việc nhận hoán đổi cổ phiếu của Bên A, các cổ đông hưởng quyền cam đoan và bảo đảm rằng các cổ đông này đã xin được mọi chấp thuận cần thiết của các bên có liên quan đến giao dịch bảo đảm đó trước Ngày hoán đổi để tham gia việc hoán đổi quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này và cam kết tuân thủ các điều kiện và điều khoản đó có liên quan đến các cổ đông này. Bên A và Bên B sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện, yêu cầu bồi thường nào có liên quan đến các giao dịch bảo đảm có phát sinh từ việc hoán đổi cổ phần theo Điều 5.

ĐIỀU 6. QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ CAM KẾT CỦA BÊN A

- 6.1. Bên A là một doanh nghiệp được thành lập một cách hợp pháp theo luật Việt Nam và có các khả năng và thẩm quyền cần thiết để sở hữu và kinh doanh các tài sản của mình và để thực hiện công việc kinh doanh hiện tại.
- 6.2. Bên A có đầy đủ khả năng và thẩm quyền cần thiết để ký kết Hợp đồng này, để thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng và hoàn thành Giao dịch sáp nhập. Việc ký kết Hợp đồng của Bên A là hợp pháp và được ủy quyền hợp lệ bởi tất cả các hành động cần thiết của các doanh nghiệp tương ứng và cấu thành nghĩa vụ pháp lý có hiệu lực ràng buộc đối với họ.
 - a) Bên A đều không xung đột với hoặc vi phạm (i) bất kỳ yêu cầu pháp lý nào được áp dụng đối với Bên A, hay (ii) bất kỳ hợp đồng nào mà Bên A là một Bên hoặc qua đó Bên A bị ràng buộc hoặc bị ảnh hưởng, ngoại trừ các xung đột, lỗi hay vi phạm (của

cá nhân hay tập thể) không làm cho Bên A phải gánh chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý hoặc bị thiệt hại lợi ích đáng kể nào.

b) Bên A nắm giữ tất cả các chấp thuận, giấy phép, những thay đổi, miễn trừ, yêu cầu và phê chuẩn quan trọng của các cơ quan Nhà nước cần phải có để hoạt động kinh doanh và sở hữu các tài sản của Bên A (“Các chấp thuận”). Các chấp thuận là hợp lệ, có đầy đủ hiệu lực và giá trị thi hành, và Bên A đã tuân thủ đầy đủ các vấn đề quan trọng liên quan tới tất cả các cam kết, điều khoản và điều kiện của Các chấp thuận đó.

6.3. Bên A cam kết đã không có bất kỳ sự kiện nào tồn tại, xảy ra hay phát sinh làm cho Bên A bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể.

6.4. Toàn thể HĐQT của Bên A, bằng các nghị quyết được thông qua một cách hợp lệ kể từ ngày ký Hợp đồng này, đã nhất trí (a) chấp thuận Hợp đồng này và Giao dịch sáp nhập và (b) chỉ thị rằng việc thông qua Hợp đồng này sẽ được đệ trình lên các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành Giao dịch sáp nhập.

6.5. Bên A cam kết rằng kể từ Ngày hoán đổi cho đến Ngày hoàn thành, Bên A không tiến hành việc phát hành thêm cổ phần (ngoại trừ việc phát hành cổ phần của Bên A theo quy định tại Hợp đồng này), chia tách, gộp, hoặc tái phân loại cổ phần của mình.

ĐIỀU 7. QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ CAM KẾT CỦA BÊN B

7.1. Bên B là một tổ chức được thành lập hợp lệ, tồn tại hợp pháp theo luật Việt Nam và có thẩm quyền và các chấp thuận cần thiết để thực hiện công việc kinh doanh hiện tại.

7.2. Bên B có đầy đủ quyền và thẩm quyền cần thiết để ký kết Hợp đồng này, và để thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng và để hoàn tất các giao dịch.

7.3. Cam kết không phát hành cổ phần

a) Bên B cam kết rằng kể từ Ngày hoán đổi cho đến Ngày hoàn thành, Bên B không tiến hành việc phát hành thêm cổ phần, chia tách, gộp, hoặc tái phân loại cổ phần của mình.

b) Bên B cam kết và xác nhận rằng trước và vào Ngày hoàn thành, Bên B không phát hành bất kỳ cổ phần ưu đãi nào (bao gồm cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và các loại cổ phần ưu đãi khác) và không có bất kỳ tổ chức, cá nhân nắm giữ bất kỳ cổ phần ưu đãi nào của Bên B.

c) Bên B cam kết và xác nhận rằng trước và vào Ngày hoàn thành, Bên B không phát hành bất kỳ trái phiếu, khoản nợ chuyển đổi nào mà theo đó người nắm giữ trái phiếu và/hoặc khoản nợ đó có quyền chuyển đổi trái phiếu và/hoặc khoản nợ thành cổ phần của Bên B và không có bất kỳ tổ chức, cá nhân nắm giữ bất kỳ trái phiếu, khoản nợ chuyển đổi của Bên B.

ty con/công ty liên kết nào của Bên đó thực hiện hoạt động
c hiện, đều đã đạt được;

ric và thẩm quyền để giao kết và thực hiện Hợp đồng này;

c phê duyệt, sự chấp thuận và sự cho phép cần thiết theo quy
., Điều lệ, Quy chế nội bộ của mình để có thể thực hiện các
Hợp đồng này. Tất cả các phê duyệt, sự chấp thuận và sự cho
c, còn tồn tại và không bị thu hồi, sửa đổi hoặc hủy bỏ trong

nào bị coi là sự kiện vi phạm theo các hợp đồng, thỏa thuận
lã xảy ra hoặc đang diễn ra dẫn đến việc xử lý tài sản hoặc
1 của Bên đó cho Bên thứ ba;

hợp pháp đối với tất cả các cổ phần, phần vốn góp trong tất
ty liên kết như đã tiết lộ và thông báo cho Bên kia;

n tụng, thủ tục tố tụng hoặc điều tra nào đối với Bên đó
ng ty liên kết của Bên đó dẫn đến việc làm vô hiệu và/hoặc
th các thỏa thuận tại Hợp đồng này;

o Bên kia tất cả và bất kỳ thông tin, ý kiến, phê chuẩn, chấp
cần thiết nào từ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có liên
g đến việc thực hiện Giao dịch sáp nhập theo Hợp đồng hoặc
sác Bên có liên quan.

ôi thường cho Bên kia bất kỳ khoản mất mát, thiệt hại nào do
g của mình hoặc do người đại diện của mình gây ra.

iam vi quyền hạn và trách nhiệm của mình phải ngay lập tức
lực hợp lý của mình để đạt được tất cả các đồng ý và chấp
thẩm quyền của Việt Nam để hoàn tất Giao dịch sáp nhập

hí liên quan đến việc chuẩn bị Hợp đồng này và các chi phí
n vi trách nhiệm của mình liên quan đến Giao dịch sáp nhập
cả các phí trong việc chứng thực Hợp đồng và các tài liệu liên

ình Công ty cổ phần chứng khoán FPT, là một công ty được
leo Quyết định số xxx do UBCKNN cấp ngày xxx, trụ sở tại
iy Hồ, Hà Nội, Việt Nam thực hiện tư vấn công tác hoán đổi
cổ phiếu phát hành.

hợp lý trong việc thực hiện tất cả các điều khoản của Hợp
sau trong việc thực hiện đúng và đầy đủ các quy trình, thủ tục

đó và/hoặc bất kỳ công ty con/công ty liên kết nào của Bên đó thực hiện hoạt động kinh doanh như đang thực hiện, đều đã đạt được;

- c) Bên đó có đầy đủ năng lực và thẩm quyền để giao kết và thực hiện Hợp đồng này;
 - d) Bên đó đã có đủ tất cả các phê duyệt, sự chấp thuận và sự cho phép cần thiết theo quy định pháp luật Việt Nam, Điều lệ, Quy chế nội bộ của mình để có thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng này. Tất cả các phê duyệt, sự chấp thuận và sự cho phép đó phải còn hiệu lực, còn tồn tại và không bị thu hồi, sửa đổi hoặc hủy bỏ trong bất kỳ trường hợp nào;
 - e) Không có bất kỳ sự kiện nào bị coi là sự kiện vi phạm theo các hợp đồng, thỏa thuận mà Bên đó là một bên đã xảy ra hoặc đang diễn ra dẫn đến việc xử lý tài sản hoặc nghĩa vụ trả nợ trước hạn của Bên đó cho Bên thứ ba;
 - f) Bên đó có quyền sở hữu hợp pháp đối với tất cả các cổ phần, phần vốn góp trong tất cả các công ty con, công ty liên kết như đã tiết lộ và thông báo cho Bên kia;
 - g) Không có bất kỳ sự kiện tụng, thủ tục tố tụng hoặc điều tra nào đối với Bên đó và/hoặc công ty con, công ty liên kết của Bên đó dẫn đến việc làm vô hiệu và/hoặc làm mất khả năng thi hành các thỏa thuận tại Hợp đồng này;
 - h) Bên đó sẽ thông báo cho Bên kia tất cả và bất kỳ thông tin, ý kiến, phê chuẩn, chấp thuận hoặc sự cho phép cần thiết nào từ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến việc thực hiện Giao dịch sáp nhập theo Hợp đồng hoặc các hoạt động khác của các Bên có liên quan.
- 8.2. Mỗi Bên có trách nhiệm bồi thường cho Bên kia bất kỳ khoản mất mát, thiệt hại nào do hành vi vi phạm Hợp đồng của mình hoặc do người đại diện của mình gây ra.
- 8.3. Các bên cam kết trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình phải ngay lập tức thực hiện và dùng các nỗ lực hợp lý của mình để đạt được tất cả các đồng ý và chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để hoàn tất Giao dịch sáp nhập trong thời gian sớm nhất.
- 8.4. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí liên quan đến việc chuẩn bị Hợp đồng này và các chi phí khác phát sinh trong phạm vi trách nhiệm của mình liên quan đến Giao dịch sáp nhập theo Hợp đồng, bao gồm cả các phí trong việc chứng thực Hợp đồng và các tài liệu liên quan.
- 8.5. Các bên thống nhất chỉ định Công ty cổ phần chứng khoán FPT, là một công ty được thành lập và hoạt động theo Quyết định số xxx do UBCKNN cấp ngày xxx, trụ sở tại số 52 Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam thực hiện tư vấn công tác hoán đổi và niêm yết bổ sung phần cổ phiếu phát hành.
- 8.6. Các Bên cam kết nỗ lực hợp lý trong việc thực hiện tất cả các điều khoản của Hợp đồng và sẽ hợp tác với nhau trong việc thực hiện đúng và đầy đủ các quy trình, thủ tục

liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

- 8.7. Ngoài việc thực hiện các hành động được phép theo Hợp đồng này, mỗi Bên đồng ý dùng các nỗ lực hợp lý để thực hiện tất cả những việc cần thiết, đúng đắn hoặc thích hợp để hoàn thành Giao dịch sáp nhập trong thời gian sớm nhất có thể.
- 8.8. Các Bên tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh của mình một cách bình thường như trước khi ký kết hợp đồng theo các quy định của Hợp đồng này.
- 8.9. Các Bên không được thực hiện bất kỳ hoạt động nào có khả năng gây phương hại đến việc thực hiện các hợp đồng đang có hiệu lực vào thời điểm ký kết Hợp đồng.

ĐIỀU 9. CHUYỂN GIAO TÀI SẢN VÀ PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

9.1. Bên A sẽ kế thừa toàn bộ tài sản, công nợ từ Bên B kể từ ngày hoàn thành theo quy định pháp luật, cụ thể:

- a) Quyền sử dụng đất của Bên B được chuyển nhượng cho Bên A kể từ ngày hoàn thành. Bên A sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết để ký lại hoặc điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất hiện tại với bên cho thuê đất của Bên B.
- b) Kể từ ngày hoàn thành, Bên A có quyền sở hữu như Bên B đối với các quyền sở hữu trí tuệ hiện được sở hữu bởi hoặc được cấp cho Bên B (Sở hữu trí tuệ). Bên A sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết với các Bên thứ ba và cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiếp nhận quyền sở hữu đối với các Sở hữu trí tuệ này.
- c) Đối với các tài sản khác mà không cần đăng ký quyền sở hữu và/hoặc chuyển giao quyền sở hữu theo quy định thì việc chuyển giao tài sản từ Bên B cho Bên A sẽ được xem là diễn ra vào Ngày hoàn thành.
- d) Bên A sẽ bị ràng buộc bởi bất cứ hợp đồng nào hiện có hiệu lực được ký kết giữa Bên B và Bên thứ ba.
- e) Bên A sẽ chịu trách nhiệm về tất cả các nghĩa vụ, khoản nợ thuế, tài chính và các khoản nợ khác của Bên B dù tồn tại dưới bất kỳ hình thức nào, dù có trước hay sau Ngày hoàn thành.

9.2. Các kế hoạch cho người lao động

- a) Đối với các thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát của Bên B sẽ được miễn nhiệm toàn bộ. Bên A sẽ lựa chọn mô hình cơ cấu tổ chức quản lý Công ty sau sáp nhập phù hợp theo quy định và tiến hành bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp và kiểm soát viên phù hợp cơ cấu tổ chức quản lý, quy định pháp luật và Điều lệ của Công ty sau sáp nhập.

Option2: Đối với các thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát (“BKS”) của Bên B, để đảm bảo sự ổn định trong hoạt động của công ty sau sáp nhập, Bên A sẽ

tiền hành bổ nhiệm tương ứng các thành viên HĐQT này giữ vị trí thành viên hội đồng quản trị của Bên A và các thành viên BKS này giữ vị trí kiểm soát của Bên A sau sáp nhập phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ của Bên A sau sáp nhập.

- b) Chuyển giao phúc lợi và trách nhiệm: Bên A sẽ kế thừa tất cả các quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng lao động hiện được ký kết giữa Bên B với các nhân viên của Bên B (“Nhân viên”), để cho việc sáp nhập không gây bất kỳ ảnh hưởng bất lợi đáng kể nào cho các nhân viên này. Tất cả các nghĩa vụ, trách nhiệm, lương, tiền thưởng, lợi ích và các vị trí của nhân viên vẫn sẽ được giữ nguyên khi chuyển sang cho Bên A sau sáp nhập.
- c) Chấm dứt: Đối với nhân viên của Bên B không muốn tiếp tục làm việc sau khi hoàn tất việc sáp nhập, Bên A sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với họ theo pháp luật lao động Việt Nam.
- d) Thỏa ước lao động tập thể: Bất kỳ thỏa ước lao động tập thể nào được ký kết giữa Bên B và nhân viên đều được Bên A công nhận.
- e) Khoản thanh toán chưa trả: Bất kỳ khoản thanh toán nào chưa được trả, bao gồm khoản thanh toán làm ngoài giờ, tiền thưởng, lương tháng thứ mười ba hoặc kế hoạch trợ cấp được ký kết giữa Bên B và nhân viên đều được Bên A đảm trách.
- f) Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế: Bên A phải tiếp tục trả bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho nhân viên sau khi sáp nhập, bằng với mức Bên B chi trả trước thời điểm chấm dứt.
- g) Các nghĩa vụ đối với người lao động sau khi thôi việc: Tất cả các khoản thanh toán cho người lao động nghỉ hưu hoặc tiền trợ cấp thôi việc mà Bên B phải trả trở thành trách nhiệm của Bên A.
- h) Các vấn đề về lao động: phải tuân thủ mọi quy định của pháp luật và các quy định liên quan đến việc làm, đào tạo, các điều khoản và điều kiện tuyển dụng lao động, phân biệt đối xử trong tuyển dụng lao động, phân loại người lao động, và tiền lương, phúc lợi, giờ làm việc, điều kiện làm việc, và an toàn lao động và y tế và dạy nghề, trong từng trường hợp, đối với nhân viên; và (ii) phải lưu giữ và báo cáo tất cả các khoản thanh toán theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận liên quan đến tiền lương, phúc lợi và các khoản phải thanh toán khác cho nhân viên.

9.3. Bàn giao hồ sơ, tài liệu

- a) Bên B đồng ý và cho phép Bên A tiếp cận và sao chụp tất cả các nghị quyết, quyết định, tờ trình, báo cáo, hợp đồng, thỏa thuận và bất kỳ thư từ giao dịch, tài liệu nào mà Bên A cho là cần thiết và liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng và Giao dịch sáp nhập.

- b) Toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình tổ chức và hoạt động của Bên B từ khi thành lập đến ngày hoàn thành phải được chuyển giao cho Bên A trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày hoàn thành.

ĐIỀU 10. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- 10.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ khi được đại diện có thẩm quyền của các Bên ký.
- 10.2. Trong trường hợp bất kỳ quy định nào của Hợp đồng này, hoặc việc áp dụng quy định đó, trở nên hoặc bị toà án có thẩm quyền cam đoan là trái pháp luật, vô hiệu hoặc không thể thi hành, phần còn lại của Hợp đồng này vẫn tiếp tục có hiệu lực. Các Bên thoả thuận thêm việc thay thế các quy định vô hiệu hoặc không thể thi hành của Hợp đồng này bằng một quy định có hiệu lực và có thể thực thi được mà sẽ đạt được, tới mức có thể, hiệu quả kinh tế, kinh doanh và các mục tiêu khác của quy định vô hiệu hoặc không thể thi hành được đó.
- 10.3. Hợp đồng này chấm dứt trong những trường hợp sau:
- a) Giao dịch sáp nhập đã hoàn tất theo quy định tại Điều xx của Hợp đồng này; hoặc
 - b) Theo thỏa thuận bằng văn bản của các Bên về việc chấm dứt Hợp đồng; hoặc
 - c) Theo yêu cầu của Bên A hoặc Bên B nếu các điều kiện cho Giao dịch sáp nhập không đáp ứng toàn bộ do việc vi phạm nghĩa vụ, cam kết và đảm bảo của một Bên, trừ khi các Bên có thỏa thuận khác, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày ký kết; hoặc
 - d) Một trong các bên bị giải thể, phá sản theo quy định pháp luật
- 10.4. Trong trường hợp Hợp đồng này bị chấm dứt theo các quy định nêu trên, mỗi Bên sẽ tự chịu tất cả các chi phí, phí tổn liên quan đến việc ký kết, thực hiện và chấm dứt Hợp đồng này
- 10.5. Trong trường hợp Hợp đồng này bị một bên chấm dứt theo quy định tại điều 10.3c thì Bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường cho Bên kia bất kỳ khoản mất mát, thiệt hại nào do hành vi vi phạm Hợp đồng của mình hoặc người đại diện của mình gây ra bao gồm nhưng không giới hạn tất cả các khoản chi phí, phí tổn liên quan đến việc ký kết, thực hiện và chấm dứt Hợp đồng này.

ĐIỀU 11. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

11.1. Bảo mật, tiếp cận thông tin

- a) Bên B sẽ tạo điều kiện cho Bên A và các nhân viên kế toán, luật sư, người tư vấn và các đại diện khác của Bên A được tiếp cận hợp lý trong khoảng thời gian trước Ngày Hoàn Thành để thu thập các thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh, bao gồm kết quả phát triển sản phẩm, tình trạng tài sản, tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và nhân sự của Bên B, theo yêu cầu hợp lý của Bên A.

- b) Các Bên cam kết sẽ bảo mật tất cả thông tin mật, và nếu không được Bên còn lại đồng ý trước bằng văn bản, một Bên sẽ không tiết lộ cho bất kỳ Bên thứ ba nào về bất kỳ và tất cả thông tin được trao đổi bằng văn bản của các Bên theo Hợp đồng này, trừ trường hợp:
- i. Bên thứ ba là công ty mẹ, các chi nhánh, công ty con, các nhân viên, đại diện, ngân hàng, luật sư, nhà tư vấn hoặc cố vấn chuyên môn khác của Bên đó nhưng chỉ trong phạm vi hợp lý và cần thiết cho việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này với điều kiện rằng các quy định của Điều này sẽ áp dụng cho việc sử dụng thông tin được cung cấp của Bên thứ ba; hoặc
 - ii. Trong các trường hợp bắt buộc mà Bên đó được yêu cầu phải cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền nhưng chỉ trong phạm vi được yêu cầu và phải thông báo trước cho Bên còn lại kịp thời bằng văn bản ngay sau khi nhận được yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

Mỗi Bên sẽ không sử dụng các thông tin được đề cập trong đây cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài việc thực hiện và hoàn thành Hợp đồng này.

- 11.2. Hợp đồng này và các tài liệu và các văn kiện và các thoả thuận khác giữa Các Bên trong Hợp đồng này được quy định hoặc dẫn chiếu đến trong Hợp đồng này (a) tạo thành toàn bộ hợp đồng giữa các Bên liên quan đến mục đích của Hợp đồng này và thay thế tất cả các hợp đồng hoặc thoả thuận sơ bộ trước đó; và (b) không có ý định trao cho, và sẽ không được giải thích như là việc trao cho, bất cứ người thứ ba nào bất cứ quyền nào hoặc các khoản bồi thường dưới đây.
- 11.3. Không Bên nào được chuyển giao hoặc uỷ quyền, toàn bộ hoặc một phần, Hợp đồng này hoặc bất kỳ quyền, lợi ích, hoặc nghĩa vụ nào dưới đây mà không được đồng ý trước bằng văn bản của các Bên khác. Hợp đồng này sẽ có giá trị ràng buộc và có hiệu lực đối với các Bên trong Hợp đồng này và những Bên kế nhiệm hoặc nhận chuyển nhượng được phép.
- 11.4. Tất cả các thông báo và liên lạc khác dưới đây phải được lập thành văn bản và sẽ được coi là đã được chuyển đến nếu được gửi với tư cách cá nhân hoặc gửi bằng dịch vụ chuyển phát thương mại, hoặc gửi qua máy fax (có chứng từ xác nhận) cho các Bên theo các địa chỉ hoặc số fax (hoặc theo địa chỉ hoặc số fax khác cho một Bên được ghi rõ trong một thông báo bằng văn bản):

Gửi cho Bên A:

Địa chỉ: Số 471, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 0243 854 0401

Fax: 0243 854 5721

Người liên hệ:

Gửi cho Bên B:

Địa chỉ: Tầng I và II, Tòa nhà Licogi 18, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0246.2875 201

Fax: 0246.2875 202

Người liên hệ:

11.5. Mọi sửa đổi, bổ sung đối với Hợp đồng này phải được lập bằng văn bản; được Hội đồng quản trị của các Bên phê chuẩn; và được đại diện có thẩm quyền của các Bên ký kết thông qua.

11.6. Các phụ lục đính kèm Hợp đồng này là một phần không tách rời của Hợp đồng.

11.7. Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 03 (ba) bản để thực hiện.

Đề ghi nhận các thỏa thuận trong Hợp đồng này, đại diện của các Bên ký kết một cách hợp lệ vào ngày được ghi tại trang đầu tiên của Hợp đồng này.

**CTCP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18 CTCP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẦU
ĐƯỜNG SỐ 18.6**

Đặng Văn Giang

Bùi Thanh Tuyên

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

HĐQT kính trình ĐHCĐ phê duyệt ủy quyền và giao cho HĐQT:

- Quyết định thời điểm và triển khai các thủ tục thay đổi đăng ký Doanh nghiệp của Công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo kết quả đợt phát hành;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi đăng ký Doanh nghiệp của Công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- Sửa đổi các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ Công ty theo kết quả đợt phát hành;
- Quyết định tất cả các công việc khác có liên quan hay phát sinh mà HĐQT nhận thấy là cần thiết để hoàn thành các nội dung công việc được giao; và
- Tùy trường hợp cụ thể, cho phép HĐQT được ủy quyền lại cho Tổng giám đốc hoặc cán bộ quản lý khác để thực hiện một hoặc một số các công việc cụ thể nêu trên đây.

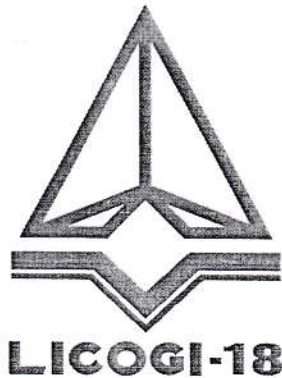
Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu HĐQT



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18 (LICOGI 18)

THEO MÔ HÌNH CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON

(Đính kèm Tờ trình số 37-TTr/HĐQT-L18 ngày 08/06/2019 của Hội đồng quản trị)

DỰ THẢO

Hà nội, ngày 08 tháng 06 năm 2019

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Định nghĩa.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, VP đại diện, thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	7
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông:.....	10
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền	13
Điều 17. Thay đổi các quyền	14
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	20
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	21
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 26. Thành phần, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	23
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	25
Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	25
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	28
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	28
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC.....	29
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	29
Điều 34. Người điều hành công ty	29
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành	29
IX. BAN KIỂM SOÁT	31
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	31
Điều 37. Kiểm soát viên.....	31

Điều 38. Ban kiểm soát.....	32
X. TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ.....	33
Điều 39. Trách nhiệm cân trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý.....	33
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	33
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	34
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	35
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	35
XII. TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐOÀN THỂ TRONG CÔNG TY.....	36
Điều 43. Hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội khác.....	36
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn.....	36
XIII. ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT.....	36
Điều 45. Quan hệ giữa Công ty Mẹ với các đơn vị hạch toán phụ thuộc.....	36
Điều 46. Quan hệ giữa Công ty Mẹ và công ty con là công ty TNHH một thành viên.....	36
Điều 47. Quan hệ giữa Công ty với Công ty con là Công ty cổ phần, Công ty TNHH hai thành viên trở lên và Công ty liên doanh.....	37
Điều 48. Công ty mẹ có quyền và nghĩa vụ chủ yếu sau.....	37
Điều 49. Quan hệ giữa Công ty và Công ty liên kết.....	38
Điều 50. Tiêu chuẩn và điều kiện của người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty ở công ty con, công ty liên kết.....	39
Điều 51. Quyền, nghĩa vụ, quyền lợi của người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty ở công ty con, công ty liên kết.....	39
Điều 52. Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con.....	40
XIV. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	40
Điều 53. Cổ tức.....	40
Điều 54. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	41
XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, CÁC QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	42
Điều 55. Tài khoản ngân hàng.....	42
Điều 56. Các quỹ.....	42
Điều 57. Năm tài khóa.....	42
Điều 58. Hệ thống kế toán.....	42
XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	42
Điều 59. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	42
Điều 60. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	43
XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	43
Điều 61. Kiểm toán.....	43
XVIII. CON DẤU.....	44
Điều 62. Con dấu.....	44
XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, GIA HẠN VÀ THANH LÝ.....	44
Điều 63. Chấm dứt hoạt động.....	44
Điều 64. Gia hạn hoạt động.....	44
Điều 65. Thanh lý.....	45
XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	45
Điều 66. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	45
Điều 67. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.....	46
XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	46
Điều 68. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	46
XXII. NGÀY HIỆU LỰC.....	46
Điều 69. Ngày hiệu lực.....	46

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 được thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông bất thường tổ chức vào ngày 08 tháng 06 năm 2019.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và được ghi trong Điều lệ Công ty.
 - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
 - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu.
 - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
 - f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán
 - g. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
 - h. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - i. "Cổ đông sáng lập" có nghĩa là các cổ đông tham gia góp vốn, tham gia xây dựng và ký tên vào Điều lệ đầu tiên của Công ty.
 - j. "Công ty" có nghĩa là Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18.
 - k. "Công ty mẹ-Công ty con": Quan hệ giữa hai công ty được gọi là quan hệ Mẹ-Con khi có một trong hai công ty nắm quyền chi phối. Trong trường hợp này Công ty nắm quyền chi phối là Công ty Mẹ, Công ty còn lại là Công ty con.
 - l. "Quyền chi phối của Công ty" là quyền của Công ty Mẹ với tư cách là Công ty nắm giữ cổ phần chi phối, góp vốn chi phối tại Công ty con hoặc nắm giữ bí quyết công nghệ, thương hiệu, thị trường của Công ty Con, quyết định đối với Điều lệ hoạt động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý chủ chốt của Công ty con đó.
 - m. "Cổ phần chi phối và vốn góp chi phối của Công ty" là cổ phần hoặc vốn góp của Công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ của Doanh nghiệp khác.
 - n. "Công ty Con": là Doanh nghiệp được Công ty Mẹ đầu tư lớn hơn hoặc bằng 50% vốn điều lệ được tổ chức dưới hình thức Công ty cổ phần, Công ty TNHH 1 thành viên, Công ty TNHH 2 thành viên trở lên, Công ty liên doanh, Công ty ở nước ngoài.

- o. “Công ty liên kết” là các Công ty có vốn góp nhỏ hơn 50% dưới mức chi phối của Công ty Mẹ được tổ chức dưới hình thức Công ty cổ phần, Công ty TNHH 2 thành viên trở lên, Công ty liên doanh với nước ngoài, Công ty ở nước ngoài.
 - p. “ Công ty tự nguyện tham gia liên kết với Công ty” là Doanh nghiệp không có cổ phần, vốn góp của Công ty nhưng tự nguyện tham gia thành viên của Công ty, chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ với Công ty theo Hợp đồng liên kết hoặc theo thoả thuận giữa Công ty đó với Công ty.
 - q. “ Đơn vị trực thuộc” là các đơn vị phụ thuộc Công ty, có tư cách pháp nhân không đầy đủ.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, VP đại diện, thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - o Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18
 - o Tên tiếng Anh: CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY N^o18
 - o Tên giao dịch viết tắt: LICOGI18
2. Hình thức công ty: là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - o Địa chỉ: Số 471 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
 - o Điện thoại: 84-4-38540 401 Fax:84-4-38545 721
 - o Email: info@licogi18.com.vn Website : www.licogi18.com.vn
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 64 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 65 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Tổng giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.

- 3.1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt nam; Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên 30 ngày thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người

khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3.2. Trường hợp hết thời hạn uỷ quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có uỷ quyền khác thì người được uỷ quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được uỷ quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

3.3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thực hiện nhiệm vụ của mình với trách nhiệm được quy định cụ thể tại Điều 14 Luật doanh nghiệp.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là:

- Thi công xây lắp các Công trình dân dụng, Công nghiệp, Giao thông (đường sắt và đường bộ), Thủy lợi, Thủy điện, Sân bay, Bến cảng, Đường dây và trạm biến thế điện; Các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu Công nghiệp; Các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường; Nền móng công trình.
- Đầu tư và kinh doanh nhà ở, khu Đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các Dự án thủy điện vừa và nhỏ.
- Kinh doanh vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng khác.
- Sản xuất kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng, ống cống bê tông, bê tông thương phẩm; Gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí xây dựng Cốp pha định hình, dàn giáo, nhà ở công nghiệp.
- Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị đồ dùng hữu hình, cung cấp vật tư kỹ thuật; Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị các sản phẩm cơ khí và kết cấu định hình khác
- Tư vấn đầu tư, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát công trình.
- Kinh doanh nhà nghỉ, khách sạn, du lịch.
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (dịch vụ: tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản).
- Xuất nhập khẩu máy móc vật tư; Thí nghiệm vật liệu xây dựng; Đưa người Việt nam đi lao động và làm việc tại nước ngoài.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng các nguồn lực như vốn, công nghệ, con người một cách hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký, nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp

quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực, ngành nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: **229.880.080.000 VND** (Hai trăm hai chín tỷ, tám trăm tám mươi triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **22.988.008** cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.
3. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
4. Trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn sáu mươi ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.
5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
3. Các cổ phần ưu đãi có các điều kiện hạn chế về chuyển nhượng chỉ được chuyển nhượng khi các điều kiện hạn chế về chuyển nhượng hết hiệu lực.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao

nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi (theo lãi suất Ngân hàng tiền vay mà Công ty quan hệ tại từng thời điểm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát;
- d. Tổng giám đốc điều hành;

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc các hình thức khác do pháp luật, điều lệ Công ty quy định như tham gia và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, hoặc gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo, fax, thư điện tử. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129, 130 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên có các quyền sau:
- a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 114 và Điều 136 của Luật Doanh nghiệp.
 - c. Xem xét và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn Biên bản hoặc Nghị quyết của Hội đồng quản trị báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt nam và báo cáo của Ban kiểm soát.
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.
Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông:

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định. Không được rút vốn đã góp ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại khác xảy ra.
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Ngoài Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể họp Đại hội đồng cổ đông bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
 - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa.
 - c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này.
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan).
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này.
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 14 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

- d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Thông qua định hướng, kế hoạch phát triển của Công ty.
 - b. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát;
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Thông qua mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán.
 - m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;

- n. Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 48 (bốn mươi tám) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
 - g. Các công việc khác phục vụ Đại hội
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký

giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và

những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được kiểm trước, số thẻ phản đối nghị quyết được kiểm sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ đề cử để Đại hội thông qua chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu từ 03 (ba) đến 05 (năm) người.
3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký để lập biên bản đại hội và đề cử một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu để Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cân trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cân trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;
 Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.
12. Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ [51%] trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
 - c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc).

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.
3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, số thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức, hoặc họ, tên địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến.
 - f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư bảo đảm và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã gửi; Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, hình thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các quyết định đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản thì

thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây

- a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
 - b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
2. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng [30] ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:
 - a. Từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
 - b. Từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - c. Từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

- d. Từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - e. Từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
 - f. Từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
 - g. Từ 70% đến 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
 - h. Từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật

Điều 26. Thành phần, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
3. Trường hợp tất cả các thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải có ít nhất các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp.
 - b. Là cổ đông của Công ty hoặc là người khác được đề cử không phải là cổ đông của Công ty có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành xây dựng, kiến trúc, giao thông vận tải, thủy lợi thủy điện, quản trị kinh doanh và có kinh nghiệm trong công tác quản lý doanh nghiệp.
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của quá 5 công ty khác.
 - d. Không được từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của một công ty bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng.
 - e. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.
 - a. Có đơn từ chức;
 - b. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - c. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng trừ trường hợp bất khả kháng
 - d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển của Công ty; Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh bao gồm cả kế hoạch ngân sách và kế hoạch nhân sự hàng năm của Công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và quyết định mức lương của họ.
 - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quyết định thành lập công ty con, thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, việc góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - e. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác.
 - f. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó.
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc tổ chức lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết.

- j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc);
 - p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công.
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Quyết định việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc góp vốn, mua, bán cổ phần của doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà cần phải có sự chấp thuận của Hội đồng quyết định trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - l. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp chậm nhất 07 (bảy) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất 05 (năm) cán bộ quản lý;
 - b. Ít nhất 2 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Đa số thành viên Ban kiểm soát hoặc thành viên quản trị độc lập.
 - d. Các trường hợp khác nếu có
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 30 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo và nội dung họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất là 3 (ba) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.
 Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.
8. Số thành viên tham dự tối thiểu:
 - a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất $\frac{3}{4}$ (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.
 - b. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại mục a) khoản 8 Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ 2 trong thời hạn 7 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện thay thế dự họp.
9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.
Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.
10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp
11. Biểu quyết:
- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30 mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
 - e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết
12. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi

đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

13. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
15. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc hoặc một số Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng và chức danh quan trọng khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
2. Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị có thể sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo

trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Tổng giám đốc điều hành phải đạt được những tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 điều 18 của Luật doanh nghiệp tức là gồm và không hạn chế những đối tượng như: người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý phù hợp với ngành nghề và lĩnh vực hoạt động của Công ty;
 - c. Không được đồng thời làm Tổng giám đốc của một doanh nghiệp khác;
 - d. Các điều kiện và tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
4. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; kế hoạch kinh doanh hàng năm và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua đạt hiệu quả tốt nhất;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.
 - f. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức; đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; kiến nghị hoặc ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- g. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị ;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức và phương án xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
 - j. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành.
5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng giám đốc là người điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Trường hợp điều hành trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty.
6. Bãi nhiệm, miễn nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng giám đốc Công ty bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong trong các trường hợp sau đây:
- a. Không đủ tiêu chuẩn, điều kiện làm Tổng giám đốc Công ty theo quy định tại khoản 3 Điều này;
 - b. Không thực hiện đúng hoặc điều hành trái với các quy định về quyền hạn và trách nhiệm được quy định tại Khoản 4 Điều này;
 - c. Có đơn xin từ chức.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty ít nhất là năm (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.;

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông;
 - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

- e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.
 3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
 4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 39. Trách nhiệm cần trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cần trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên

quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
6. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm vụ việc dân sự, hành chính và không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện khởi kiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại

diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 2 Điều 25 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Điều lệ này được công bố trên website của công ty.

XII. TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐOÀN THỂ TRONG CÔNG TY

Điều 43. Hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội khác

1. Các tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản HMC và các Tổ chức chính trị xã hội khác của Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng Điều lệ của các tổ chức đó và quy định của pháp luật.

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động.
2. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Điều 45. Quan hệ giữa Công ty Mẹ với các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty thực hiện chế độ phân cấp hoạt động kinh doanh, hạch toán, tổ chức và nhân sự của Công ty theo quy định tại quy chế của Công ty. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Điều 46. Quan hệ giữa Công ty Mẹ và công ty con là công ty TNHH một thành viên

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Hội đồng quản trị công ty là đại diện chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Hội đồng quản trị công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ sau đây đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:
 - a. Quyết định chiến lược phát triển; phê duyệt Điều lệ khi thành lập; quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;
 - b. Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;
 - c. Quyết định chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho tổ chức, cá nhân khác. Việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ thực hiện theo quy định của điều lệ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;
 - d. Quyết định mô hình tổ chức quản lý, cơ cấu quản lý, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của Chủ tịch hội đồng quản trị, Ủy viên hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; phân cấp cho Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- hạn một thành viên bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của Tổng giám đốc công ty đó;
- e. Quyết định các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay có giá trị lớn hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;
- f. Tổ chức giám sát, theo dõi và đánh giá hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý theo điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;
- g. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm và quyết định phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo đệ trình của công ty đó;
- h. Quyết định các hình thức và biện pháp tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phát sản công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định tại điều lệ của công ty đó; thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty đó sau khi hoàn thành giải thể hoặc phá sản;
- i. Các quyền khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Điều 47. Quan hệ giữa Công ty với Công ty con là Công ty cổ phần, Công ty TNHH hai thành viên trở lên và Công ty liên doanh

1. Công ty con là Công ty cổ phần, Công ty TNHH 2 thành viên trở lên, Công ty liên doanh... (sau đây gọi là Doanh nghiệp bị chi phối) được thành lập, tổ chức và hoạt động theo pháp luật về loại mô hình đó.
2. Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên bên liên doanh, bên góp vốn chi phối tại Công ty con theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty đó.
3. Công ty trực tiếp quản lý cổ phần, vốn góp chi phối ở Công ty con thông qua người trực tiếp quản lý phần vốn của Công ty tại các Công ty con.
4. Đối với công ty con của Công ty thì ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện đối với Giám đốc Công ty quy định tại Khoản 3 Điều 35 của Điều lệ này thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc Công ty con không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty mẹ.
5. Công ty con không được đầu tư góp vốn, mua cổ phần của công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.

Điều 48. Công ty mẹ có quyền và nghĩa vụ chủ yếu sau

1. Tùy thuộc vào loại hình pháp lý của công ty con, công ty mẹ thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là thành viên, chủ sở hữu hoặc cổ đông trong quan hệ với công ty con theo quy định tương ứng của pháp luật có liên quan.
2. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa công ty mẹ và công ty con đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với các chủ thể pháp lý độc lập, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 điều này.

3. Trường hợp công ty mẹ can thiệp ngoài thẩm quyền của chủ sở hữu, thành viên hoặc cổ đông và buộc công ty con phải thực hiện hoạt động kinh doanh trái với thông lệ kinh doanh bình thường hoặc thực hiện hoạt động không sinh lợi mà không đền bù hợp lý trong năm tài chính có liên quan, gây thiệt hại cho công ty con thì công ty mẹ phải chịu trách nhiệm về thiệt hại đó.
4. Người quản lý của công ty mẹ chịu trách nhiệm về việc can thiệp buộc công ty con thực hiện hoạt động kinh doanh quy định tại khoản 3 điều này phải liên đới cùng công ty mẹ chịu trách nhiệm về các thiệt hại đó.
5. Trường hợp công ty mẹ không đền bù cho công ty con theo quy định tại khoản 3 Điều này thì chủ nợ hoặc thành viên, cổ đông có sở hữu ít nhất 1% hoặc 1 nhóm cổ đông sở hữu 10% vốn điều lệ của công ty con có quyền nhân danh chính mình hoặc nhân danh công ty con đòi công ty mẹ đền bù thiệt hại cho công ty con.
6. Trường hợp hoạt động kinh doanh như quy định tại khoản 3 điều này do công ty con thực hiện đem lại lợi ích cho công ty con khác cùng một công ty mẹ thì công ty con được hưởng lợi đó phải liên đới cùng công ty mẹ hoàn trả khoản lợi được hưởng đó cho công ty con bị thiệt hại.
7. Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối.
8. Yêu cầu người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối báo cáo định kỳ đề xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của công ty con.
9. Giao nhiệm vụ và yêu cầu người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối xin ý kiến về những vấn đề quan trọng (những vấn đề quan trọng được ghi cụ thể trong quy chế quản lý vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác) trước khi biểu quyết tại công ty con; báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của công ty.
10. Chỉ đạo người trực tiếp quản lý phần vốn của Công ty tại các công ty con trong việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát hoặc bổ nhiệm hay thuê Giám đốc công ty con và sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty đó theo quy định của pháp luật.
11. Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần góp vốn của mình ở các công ty con.
12. Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào các công ty con.
13. Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn đã góp vào các công ty con.

Điều 49. Quan hệ giữa Công ty và Công ty liên kết.

1. Công ty liên kết được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của công ty đó.
2. Công ty cử người đại diện để thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo điều lệ của công ty liên kết hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo hợp đồng liên kết.

Điều 50. Tiêu chuẩn và điều kiện của người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty ở công ty con, công ty liên kết.

1. Người trực tiếp quản lý phần vốn góp của công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, là người của Công ty;
 - b. Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ;
 - c. Có hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành luật;
 - d. Có trình độ chuyên môn về tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh chính của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty; có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp. Người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối của công ty ở các công ty liên doanh với nước ngoài phải có thêm trình độ ngoại ngữ đủ để làm việc với người nước ngoài trong liên doanh không cần phiên dịch;
 - e. Không là bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của những người là đại diện chủ sở hữu, người trong Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Tổng giám đốc của doanh nghiệp có vốn đầu tư của công ty mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp.
2. Người đại diện tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Tổng giám đốc của doanh nghiệp có vốn đầu tư của công ty mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ của doanh nghiệp đó.

Điều 51. Quyền, nghĩa vụ, quyền lợi của người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty ở công ty con, công ty liên kết.

1. Người trực tiếp quản lý phần vốn góp của công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Đại diện cho Công ty thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh tại công ty con, công ty liên kết. Sử dụng quyền chi phối hoặc vốn góp chi phối để định hướng công ty con thực hiện chiến lược, mục tiêu của công ty.
 - b. Trực tiếp tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của công ty con, công ty liên kết theo quy định của điều lệ doanh nghiệp đó.
 - c. Theo dõi, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của công ty con, công ty liên kết.
 - d. Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng quản trị, về hiệu quả sử dụng phần vốn góp chi phối.
 - e. Xin ý kiến Hội đồng quản trị, trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội cổ đông, tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên của công ty con về phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh, sửa đổi bổ sung điều lệ, tăng giảm vốn điều lệ, chia lợi tức, bán tài sản có giá trị lớn.
 - f. Chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị về quản lý vốn góp, hiệu quả sử dụng vốn góp của công ty ở công ty được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp. Trong trường hợp không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, lợi dụng quyền đại diện phần vốn góp, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho Công ty và đại diện chủ

sở hữu thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và quy chế tài chính của công ty.

- g. Người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty hưởng chế độ lương hoặc thù lao, phụ cấp trách nhiệm... theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 52. Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con.

1. Vào thời điểm kết thúc quý, 6 tháng, năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp luật, công ty mẹ còn phải lập các báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo tài chính hợp nhất toàn công ty theo quy định của pháp luật về kế toán.
 - b. Báo cáo tổng hợp công tác quản lý điều hành của công ty.
2. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo quy định tại khoản 1 điều này chưa được lập và đệ trình các báo cáo đó nếu chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính của các công ty con.
3. Khi có yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ, người đại diện theo pháp luật của công ty con phải cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của nhóm công ty.
4. Trường hợp không biết hoặc không nghi ngờ về việc báo cáo do công ty con lập và đệ trình có thông tin sai lệch, không chính xác hoặc giả mạo thì người quản lý công ty mẹ sử dụng các báo cáo đó để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của nhóm công ty.
5. Trong trường hợp người quản lý công ty mẹ đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong phạm vi thẩm quyền mà vẫn không nhận được báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định từ công ty con thì người quản lý công ty mẹ vẫn lập và trình báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của nhóm công ty. Báo cáo có thể gồm hoặc không gồm các thông tin từ công ty con đó, nhưng phải có giải trình cần thiết để tránh hiểu nhầm hoặc hiểu sai lệch.
6. Các báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hằng quý, bán niên, năm của công ty mẹ, của các công ty con và các báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của cả nhóm công ty phải được lưu trữ tại trụ sở chính của công ty mẹ. Bản sao của các báo cáo, tài liệu quy định tại khoản này phải có ở các chi nhánh của công ty mẹ trên lãnh thổ Việt Nam.
7. Đối với các công ty con, ngoài các báo cáo, tài liệu theo quy định của pháp luật, còn phải lập và báo cáo tổng hợp về các giao dịch khác với công ty mẹ. Khi công ty mẹ có yêu cầu.

XIV. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 53. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

- b. Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và các quy định khác trong Điều lệ Công ty;
 - c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
 3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu trong trường hợp cổ đông không thực hiện quyền của mình theo đúng thời hạn đã được thông báo.
 4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
 5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
 6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
 7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày chốt danh sách cổ đông của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày chốt danh sách này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 54. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, CÁC QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 55. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 56. Các quỹ

1. Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào các quỹ sau:
 - a. Quỹ đầu tư phát triển;
 - b. Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
 - c. Quỹ khen thưởng Ban điều hành;
 - d. Các quỹ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
2. Tỷ lệ trích lập các quỹ: Hội đồng quản trị lập phương án trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
3. Việc sử dụng quỹ để bổ sung vốn điều lệ được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 57. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

Điều 58. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 59. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật về kế toán, cũng như các quy định đối với doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng

khoán. Báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 62. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cùng với báo cáo kiểm toán phải được công bố chậm nhất 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán độc lập ký báo cáo kiểm toán. Thời hạn công bố thông tin báo cáo tài chính năm không quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đồng thời đăng tải ý kiến của kiểm toán về báo cáo tài chính năm trên 01 (một) số báo có phạm vi phát hành toàn quốc kèm theo địa chỉ website công ty đăng tải toàn văn báo cáo tài chính năm để nhà đầu tư tham khảo.

Báo cáo tài chính năm được kiểm toán phải nộp cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp, cơ quan đăng ký kinh doanh, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

Ngoài ra, hàng năm công ty còn phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo quy định đối với doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán chậm nhất 20 ngày kể từ ngày công bố thông tin về báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

2. Báo cáo tài chính năm bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính. Trên các báo cáo phải phản ánh trung thực, khách quan hiệu quả các hoạt động của công ty trong năm tài chính và tình hình tài sản của công ty tại thời điểm lập báo cáo.
3. Công ty phải lập và công bố thông tin báo cáo bán niên (6 tháng), báo cáo hàng quý theo quy định đối với doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo Điều 61 Điều lệ này.
4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp

Điều 60. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

1. Việc công bố thông tin do người được uỷ quyền của người đại diện theo pháp luật thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do người được uỷ quyền công bố thông tin công bố.
2. Các báo cáo tài chính quý, bán niên, hàng năm, các tài liệu bổ trợ khác phải được lập, công bố ra công chúng theo những quy định về công bố thông tin đối với doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán .

XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 61. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Trên cơ sở các báo cáo tài chính công ty đã lập, chứng từ tài liệu liên quan, công ty kiểm toán kiểm tra, xác nhận và lập báo cáo soát xét đối với báo cáo tài chính bán niên chậm nhất 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý 2; Lập báo cáo kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm trong thời hạn hoàn thành báo cáo tài chính năm theo quy định.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVIII. CON DẤU

Điều 62. Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây: Tên doanh nghiệp; Mã số doanh nghiệp.
2. Trước khi sử dụng, Công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.
4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.

XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, GIA HẠN VÀ THANH LÝ

Điều 63. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 64. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 (bảy) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 65. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 66. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty; hoặc
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 67. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể Công ty theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 68. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 69. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXII chương 69 điều, được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18 được tổ chức ngày 08 tháng 06 năm 2019 thông qua và có hiệu lực ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

ÔNG ĐẶNG VĂN GIANG

ÔNG TRỊNH VIỆT DŨNG

ÔNG NGUYỄN ĐÌNH THỦY

ÔNG BÙI THANH TUYÊ

ÔNG NGUYỄN ANH DŨNG

Số: 38-TTr/HĐQT-L18

Hà nội, ngày 08 tháng 06 năm 2019

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2019

Thông qua Phương án hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 sau sáp nhập với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thông qua ngày 26/11/2014;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng số 18 xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án hoạt động kinh doanh sau sáp nhập của Công ty như sau:

Sau sáp nhập Công ty LICOGI 18.6 sẽ tiến hành thủ tục giải thể doanh nghiệp, chấm dứt sự tồn tại. Công ty LICOGI 18 sẽ tiếp nhận và kế thừa toàn bộ các quyền, lợi ích hợp pháp; đồng thời chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ tài sản, công nợ, lao động và các nghĩa vụ khác của Công ty LICOGI 18.6 (bao gồm nhưng không giới hạn các quyền kinh doanh, quyền sử dụng đất, các khoản nợ phải thu, các khoản nợ phải trả, các quyền và nghĩa vụ theo các hợp đồng mà Công ty LICOGI 18.6 ký kết với bất kỳ bên thứ Ba nào, hợp đồng lao động ký giữa Công ty LICOGI 18.6 và nhân viên của Công ty LICOGI 18.6,...). Cụ thể:

1. Về vấn đề tài sản

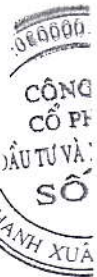
- Quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6 được chuyển nhượng cho Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 kể từ ngày hoàn thành (Là ngày hoàn tất việc hoán đổi cổ phiếu). Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết để ký lại hoặc điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất hiện tại với bên cho thuê đất của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6.
- Kể từ ngày hoàn thành, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 có quyền sở hữu như Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6 đối với các quyền sở hữu trí tuệ hiện được sở hữu bởi hoặc được cấp cho Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6 (Sở hữu trí tuệ). Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết với các Bên thứ ba và cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiếp nhận quyền sở hữu đối với các Sở hữu trí tuệ này.
- Đối với các tài sản khác mà không cần đăng ký quyền sở hữu và/hoặc chuyển giao quyền sở hữu theo quy định thì việc chuyển giao tài sản từ Công ty cổ phần Đầu tư và

Xây dựng cầu đường số 18.6 cho Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 sẽ được xem là diễn ra vào Ngày hoàn thành (ngày hoàn tất việc hoán đổi cổ phiếu).

- Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 sẽ bị ràng buộc bởi bất cứ hợp đồng nào hiện có hiệu lực được ký kết giữa Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6 và Bên thứ ba.
- Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 sẽ chịu trách nhiệm về tất cả các nghĩa vụ, khoản nợ thuế, tài chính và các khoản nợ khác của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6 dù tồn tại dưới bất kỳ hình thức nào, dù có trước hay sau Ngày hoàn thành.

2. Về vấn đề với người lao động

- Đối với các thành viên HĐQT và thành viên Ban Kiểm Soát của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6 sẽ được miễn nhiệm toàn bộ. Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 sẽ lựa chọn mô hình cơ cấu tổ chức quản lý Công ty sau sáp nhập phù hợp theo quy định và tiến hành bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp và kiểm soát viên phù hợp cơ cấu tổ chức quản lý, quy định pháp luật và Điều lệ của Công ty sau sáp nhập.
- Chuyển giao phúc lợi và trách nhiệm: Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 sẽ kế thừa tất cả các quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng lao động hiện được ký kết giữa Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6 với các nhân viên của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6 (“Nhân viên”), để cho việc sáp nhập không gây bất kỳ ảnh hưởng bất lợi đáng kể nào cho các Nhân viên này. Tất cả các nghĩa vụ, trách nhiệm, lương, tiền thưởng, lợi ích và các vị trí của nhân viên vẫn sẽ được giữ nguyên khi chuyển sang cho Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 sau sáp nhập.
- Chấm dứt: Đối với nhân viên của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6 không muốn tiếp tục làm việc sau khi hoàn tất việc sáp nhập, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với họ theo pháp luật lao động Việt Nam.
- Thỏa ước lao động tập thể: Bất kỳ thỏa ước lao động tập thể nào được ký kết giữa Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6 và nhân viên đều được Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 công nhận.
- Khoản thanh toán chưa trả: Bất kỳ khoản thanh toán nào chưa được trả, bao gồm khoản thanh toán làm ngoài giờ, tiền thưởng, lương tháng thứ mười ba hoặc kế hoạch trợ cấp được ký kết giữa Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6 và nhân viên đều được Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 đảm trách.
- Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế: Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 phải tiếp tục trả bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho nhân viên sau khi sáp nhập, bằng



với mức Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6 chi trả trước thời điểm chấm dứt.

- Các nghĩa vụ đối với người lao động sau khi thôi việc: Tất cả các khoản thanh toán cho người lao động nghỉ hưu hoặc tiền trợ cấp thôi việc mà Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6 phải trả trở thành trách nhiệm của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18.

3. Một số chỉ tiêu kinh doanh sau khi hoán đổi cổ phiếu

Một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng số 18 sau khi hoán đổi cổ phiếu như sau:

Các chỉ tiêu kế hoạch	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng Doanh thu	Tr.đồng	867.364	998.545	1.129.727	1.155.091	1.181.455
Doanh thu hoạt động xây lắp	Tr.đồng	691.000	734.000	777.000	820.000	864.000
Doanh thu hoạt động đầu tư	Tr.đồng	176.364	264.545	352.727	335.091	317.455
Tổng lợi nhuận	Tr.đồng	22.000	24.000	26.000	27.000	30.000
Cổ tức	%	7	7,5	8,5	8,5	10

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đặng Văn Giang

